



# **CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**

## MỤC LỤC

TỔNG QUAN CÔNG TY .....	5
THÔNG TIN CHUNG .....	6
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH .....	9
CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ .....	12
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN .....	13
CÁC RỦI RO .....	15
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG .....	18
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH .....	19
DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO .....	21
NGUỒN NHÂN LỰC .....	28
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....	29
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG .....	31
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....	33
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH .....	34
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....	35
NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ .....	36
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI .....	37
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY .....	39
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	40
CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	41
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC .....	42
QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	43
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ .....	44
BAN KIỂM SOÁT .....	46
LƯƠNG THƯỜNG, THỦ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH .....	47
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ .....	48
BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BÊN VỮNG .....	49
THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BÊN VỮNG .....	50
TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG .....	51
TIÊU THỤ NƯỚC .....	52
CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG .....	53
TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG .....	56
BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....	Từ 58 đến 95

## THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



### Ông Nguyễn Trung Việt - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Kính thưa Quý cổ đông và nhà đầu tư, năm qua là một năm khó khăn không chỉ riêng của HDPHARMA, mà còn chung cho cả Ngành Dược Việt Nam. Thị trường cạnh tranh khốc liệt có sự tham gia của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài với hàng trăm năm kinh nghiệm, với sự tham gia của các ông lớn như Vingroup, TH Milk, FIT... và sự bùng nổ của dòng tiền chảy vào ngành, sự bảo hòa của thực phẩm chức năng, sự quản lý gắt gao, nâng chuẩn của các cơ quan quản lý, sự tăng giá chóng mặt của nguyên liệu ngành dược. Rất nhiều nhà máy đã và đang xây mới. Theo một thông tin hiện nay có khoảng 178 doanh nghiệp sản xuất thuốc ( trong đó có khoản 100 doanh nghiệp sản xuất tân dược, 78 doanh nghiệp sản xuất thuốc đông dược) ngoài ra có trên 300 cơ sở sản xuất thuốc đông dược, có khoản 1.600 doanh nghiệp sản xuất thực phẩm chức năng. Tình trạng chung là sản xuất chồng chéo, tranh giành phân khúc thị trường nhỏ giữa hầu hết các doanh nghiệp nội địa. Phân khúc thuốc đặc trị, chuyên khoa... với giá trị cao hoàn toàn do các doanh nghiệp nước ngoài chiếm giữ. Thực trạng này dần dần sẽ xảy ra quá trình thanh lọc các doanh nghiệp: Những doanh nghiệp bài bản, định hướng thị trường tốt, có nguồn nhân lực chuyên nghiệp... sẽ chiếm lĩnh thị trường, các doanh nghiệp nhỏ hoặc yếu kém sẽ bị loại bỏ.

Theo lộ trình, đến năm 2020 Cục Quản lý Dược sẽ đưa chuẩn PIC/S, EU - GMP vào tiêu chuẩn để thích ứng với đòi hỏi của cục dược và yêu cầu chất lượng thuốc ngày càng gia tăng, vì vậy, chỉ có các doanh nghiệp đầu tư bài bản, sản xuất bài bản mới tồn tại được. Mà đầu tư bài bản, sản xuất bài bản thì đầu tư rất lớn, giá thành sản phẩm cao. Năm 2018 -2019, các cơ quan quản lý yêu cầu tách riêng sản xuất thực phẩm chức năng và thuốc, có nghĩa là nếu muốn sản xuất đồng thời cả thực phẩm chức năng và thuốc chúng ta phải nhân đôi số dây chuyền. Điều này xảy ra vì sự suy giảm nhiều của thực phẩm chức năng do thị trường mất lòng tin đối với sản phẩm cũng như cạnh tranh nhiều. Sản phẩm sản xuất của Công ty có rất nhiều là gia công thực phẩm

chức năng. Sự suy giảm này cũng ảnh hưởng đến Công ty. Tất cả các khó khăn, thách thức nêu trên ảnh hưởng trực tiếp đến Công ty.

Công ty hiện tại có 6 dây chuyền GMP-WHO, tạo công ăn việc làm cho người lao động cũng như tạo lợi nhuận cho Công ty. Trước đây do Công ty đầu tư rất tiết kiệm, nên bây giờ cần phải tái đầu tư. Vốn hóa của Công ty khoảng hơn 200 tỷ, đây là con số vô cùng nhỏ so với một ngành đòi hỏi đầu tư nhiều như ngành Dược (vốn hóa của Dược Hậu Giang là trên 15.000 tỷ, của Traphaco khoảng 3.201 tỷ, Domesco là khoảng 2.653 tỷ ...). Quá trình tái đầu tư thì đòi hỏi giá trị tài sản phải lớn hơn, riêng dự án giai đoạn 1 tại nhà máy mới tại Cẩm Thượng cộng dây chuyền Tiêm 2 tại Chi Lăng và văn phòng Hà Nội khoảng 300 tỷ đồng. Năm 2018, Công ty phải thẩm định lại 6 dây chuyền tại 102 Chi Lăng và cải tạo như thế nào để có thể nhận GMP-WHO là bài toán khó. Vấn đề đầu tư không phải vấn đề để phát triển, mà là vấn đề tồn tại được hay không. Nếu không có sản xuất thì chẳng có thể nói về chuyện gì cả.

Công ty còn muốn phát triển hệ thống bán hàng toàn quốc, còn muốn làm marketing, muốn phát triển mảng rất tiềm năng là mỹ phẩm, như vậy Công ty cần tài chính. Một phần Công ty phải vay ngân hàng nhưng khoản vay đó phải ở trong mức độ an toàn. Thị trường tài chính Việt Nam có đặc điểm là lãi suất không ổn định. Hôm nay lãi vay trung hạn có thể là 9,5%/năm, sau này có thể tăng lên, do vậy vay nhiều quá rất dễ khiến Công ty gánh chịu rủi ro lớn. Đối với chúng ta rất nhiều lĩnh vực đều là mới mẻ, cán bộ của Công ty chưa có một chút hình dung nào và phải mày mò bằng đủ kinh nghiệm khác nhau. Cũng như trước đây khi làm dây chuyền GMP-WHO, Hội đồng quản trị đã vất vả để tìm hiểu về GMP-WHO như thế nào thì bây giờ cũng vậy. Chỉ có điều GMP EU cả miền Bắc chưa có doanh nghiệp nào đạt được. Mặc dù vất vả nhưng đôi khi sai sót là không tránh khỏi. Khó khăn nhưng chúng ta không có con đường nào khác ngoài chuyện phải vượt qua. Tôi hi vọng các cổ đông đồng lòng để hướng tới những tầm cao mới trong tương lai. Đại diện HĐQT, Tôi cũng hứa với các cổ đông kiểm soát chặt chẽ từng đồng của Công ty để đầu tư có tồn nhưng đáng đồng tiền.

Cuối cùng, tôi xin được gửi lời cảm ơn sâu sắc và những lời chúc tốt đẹp nhất đến Quý cổ đông, các đối tác và Quý khách hàng của Công ty. Tôi cũng chân thành cảm ơn tất cả cán bộ nhân viên Công ty vì sự nỗ lực hết mình trong những năm qua. Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương đã, đang và sẽ luôn luôn phấn đấu ngày càng lớn mạnh để đáp lại sự tin tưởng và ủng hộ của Quý vị dành cho chúng tôi.



Chủ tịch Hội đồng quản trị

CHỦ TỊCH HĐQT  
NGUYỄN TRUNG VIỆT

## TÂM NHÌN

Xây dựng Công ty CP Dược VTYT Hải Dương trở thành một trong những ngọn cờ đầu trong lĩnh vực Dược phẩm Việt Nam và xây dựng một hệ thống nhà máy hiện đại, liên hoàn, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO và đa dạng các mặt hàng thuốc.

## SỨ MỆNH

**Đối với Cổ đông và Nhà đầu tư:** Tạo ra giá trị cao nhất cho cổ đông, tăng cường sự minh bạch, kịp thời công khai hóa thông tin các hoạt động của Công ty đến các cổ đông và nhà đầu tư và chủ động tạo cơ hội đối thoại với nhà đầu tư.

**Đối với Khách hàng:** Cung cấp các sản phẩm chất lượng cao mang tính ổn định và lâu dài; lắng nghe và luôn cùng cố gắng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.

**Đối với Đối tác Kinh doanh:** Duy trì, nuôi dưỡng và phát triển mối quan hệ lâu dài trên nguyên tắc tôn trọng lợi ích của các bên tham gia nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng tốt nhất cho xã hội.

**Đối với Cộng đồng Xã hội:** DHD vẫn luôn thực hiện trách nhiệm đồng hành và đẩy mạnh các hoạt động xã hội thiết thực và mong muốn góp phần cùng xã hội nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn của lực lượng lao động trẻ cho sự phát triển bền vững của đất nước.

**Đối với Nhân viên:** Trân trọng sự đóng góp của nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện, khuyến khích và trân trọng những ý kiến độc lập và sáng tạo của nhân viên góp phần cho sự phát triển Công ty.



## TỔNG QUAN CÔNG TY

THÔNG TIN CHUNG

MỘT SỐ THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

CỘT MỐC LỊCH SỬ

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHI NHÁNH CÔNG TY VÀ MỘT SỐ KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC RỦI RO

## THÔNG TIN CHUNG

Tên giao dịch

Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương.

Tên tiếng Anh

HAIDUONGPHARMACEUTICAL MEDICAL  
MATERIAL JOINT STOCK COMPANY

Logo



Địa chỉ trụ sở chính

Số 102, phố Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Giấy đăng ký kinh doanh

Số 0800011018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương, cấp lần đầu ngày 04/04/2003, thay đổi lần thứ 14 ngày 14/06/2018.

Vốn điều lệ đăng ký

60.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp

60.000.000.000 đồng

Điện thoại

0220.3853.848

Fax

0220.3853.848

Website

<http://hdpharma.vn/>

Mã cổ phiếu

DHD

## LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN



Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương (HDPHARMA) là công ty cổ phần dược cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước. Kể từ khi thành lập đến nay, quá trình xây dựng và phát triển của Công ty luôn gắn liền với quá trình xây dựng và phát triển của ngành Dược Việt Nam cùng với những bước thăng trầm trong tiến trình lịch sử phát triển kinh tế của đất nước. Quá trình phát triển của công ty có thể tóm lược qua những cột mốc như sau:

➤ 1961

Ủy ban hành chính tỉnh Hải Dương thành lập Quốc doanh dược phẩm.

➤ 1966

Quốc doanh dược phẩm tách thành hai đơn vị hành chính độc lập: Quốc doanh dược phẩm tỉnh Hải Hưng và xí nghiệp Dược tỉnh Hải Hưng.

➤ 1982

Quốc doanh dược phẩm Hải Hưng và Xí nghiệp Dược Hải Hưng lại được hợp nhất thành Xí nghiệp liên hợp Dược Hải Hưng.

➤ 1988

Xí nghiệp liên hợp Dược Hải Hưng đổi tên thành công ty Dược VTYT Hải Dương.

➤ 2003

Công ty Dược VTYT Hải Dương chuyển thành Công ty cổ phần Dược VTYT Hải Dương với vốn điều lệ là 10,26 tỷ đồng.

➤ 2007

Công ty cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương đổi tên giao dịch thành HDPHARMA.

➤ 2010

Công ty tăng vốn điều lệ từ 10,26 tỷ lên 30 tỷ đồng thông qua phát hành cho cổ đông hiện hữu, CBCNV và cổ đông chiến lược.

➤ 2018

14/06/2018: Sứ Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp Giấy chứng nhận ĐKKD thay đổi lần thứ 14, mã số Doanh nghiệp: 0800011018 với số vốn điều lệ là 60.000.000.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG TIÊU BIỂU**

**HẢI DƯƠNG**  
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương Địa chỉ: Số 102 Chi  
hàng Ngõ Yên Ninh, Thành Phố Hải Dương, Hải Dương

**HÀ NỘI**  
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương Địa chỉ: Số 137 D4, Khu đô  
thị mới Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội

**TUYÊN QUANG**  
Công ty Dược Tuyên Quang

**HẢI PHÒNG**  
Công ty TNHH Dược phẩm Hậu Vũ Công ty TNHH Dược phẩm Minh Nhật

**ĐIỆN BIÊN**  
Công ty cổ phần Dược phẩm Điện Biên

**HÀ NỘI**  
Công ty TNHH Dược phẩm Hà Việt **Vietnam**

**HẢI PHÒNG**  
Công ty cổ phần Dược phẩm Dương Hồng Thúy

**BẮC NINH**  
Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh

**BẮC GIANG**  
Công ty cổ phần Dược phẩm Bắc Giang Công ty TNHH Dược phẩm Ngọc Đông

**HẢI PHÒNG**  
Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Lâm Công ty TNHH Dược phẩm Hữu Yến

**HẢI PHÒNG**  
Nhà thuốc Thành Công

**HẢI PHÒNG**  
Công ty TNHH Hải Bình

**TUYÊN THẠC**  
Công ty TNHH Dược phẩm Tuyên Thạc

**VĨNH PHÚC**  
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc Công ty TNHH Dược phẩm Hải Nga

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương tại TP.HCM Địa chỉ: C4/8, Ấp  
4, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP.HCM

**ĐÀ NẴNG**  
Công ty Cổ phần Dược VTYT Hải Dương – Chi nhánh Miền Trung.  
Địa chỉ : Lô 9 – C4. KDC Hòa phát 4, Phường Hòa An, Quận Cẩm Lệ, Thành phố  
Đà Nẵng

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng;
- Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Bán buôn tinh dầu, dược liệu, kính mắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm chức năng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Trồng cây dược liệu;
- Chăn nuôi tằm kè, rắn (được Nhà nước cho phép);
- In ấn;
- Dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y, dược, mỹ phẩm và thực phẩm; dịch vụ kiểm tra chất lượng dược phẩm, thực phẩm chức năng;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý thuốc chữa bệnh, hóa mỹ phẩm, dược phẩm chức năng, dụng cụ y tế, thiết bị y tế, kính mắt, dược liệu, tinh dầu, hóa chất;
- Cho thuê văn phòng, bến bãi, cửa hàng, nhà kho, nhà ở;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; dịch vụ chăm sóc sắc đẹp.

Một số sản phẩm chính:





## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty gồm 03 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm, có quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

### BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty gồm ba (03) thành viên.

### TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị bầu nhiệm, là người điều hành cao nhất mọi hoạt động của Công ty; có toàn quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## Mục tiêu

Xây dựng một hệ thống nhà máy hiện đại, liên hoàn, đạt tiêu chuẩn GMP - WHO và đa dạng các mặt hàng thuốc. Hệ thống các dây chuyền:

- Dây chuyền thuốc viên nang mềm không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam.
- Dây chuyền dung dịch tiêm, hỗn dịch tiêm, nhũ dịch tiêm không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam.
- Dây chuyền thuốc nhỏ mắt, nhỏ mũi không chứa kháng sinh nhóm beta-lactam và dây chuyền thuốc viên, thuốc bột, thuốc cốm, siro, thuốc nước uống thuốc dùng ngoài, rượu thuốc, cao thuốc...có nguồn gốc từ dược liệu.
- Dây chuyền thuốc kem, thuốc mỡ và gel không chứa kháng sinh nhóm Beta-lactam.
- Dây chuyền thuốc viên + Cốm + Sủi không chứa nhóm kháng sinh Beta-lactam đạt tiêu chuẩn GMP – EU
- Kiện toàn hệ thống quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm đến ngang tầm tiêu chuẩn của khối EU.

Công ty CP Dược VTYT Hải Dương trở thành một trong những điểm đến hợp tác hấp dẫn, an toàn, hiệu quả, đáng tin cậy của các nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài.

## Chiến lược phát triển

### Về khẩu hiệu và chiến lược kinh doanh

- Lấy phục vụ làm mục đích kinh doanh, lấy hiệu quả kinh doanh làm động lực của sự phát triển.

### Về chính sách chất lượng sản phẩm/ dịch vụ

- Bảo vệ và nâng cao chất lượng sản phẩm là sứ mệnh của Doanh nghiệp.

### Về chính sách thị trường và bán hàng

- Có chiến lược phủ kín thị trường và mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm đến vùng sâu, vùng xa để phục vụ kịp thời người tiêu dùng.

### Về tuyên truyền, quảng bá thương hiệu, sản phẩm/ dịch vụ

- Có kế hoạch quảng bá trên VTV1, VTV3 và các kênh truyền hình địa phương; trên các báo - tạp chí; trên Website của công ty và Website khác.

### Về đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật

- Đầu tư đổi mới máy móc, trang thiết bị hiện đại cho các dây chuyền hiện có của công ty.
- Hiện đại hóa dây chuyền sản xuất Đông dược theo tiêu chuẩn GMP - WHO.
- Nâng cấp dây chuyền sản xuất thuốc Nước và kem mỡ đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.
- Mở rộng dây chuyền thuốc Tiêm (thêm bộ phận - Dịch truyền).

### Về chính sách đào tạo nhân lực

- Mở rộng đào tạo tại chỗ; gửi CBCNV đi đào tạo nâng cao.
- Mời chuyên gia đến hướng dẫn sử dụng máy móc, chuyển giao công nghệ cho CBCNV làm việc.

### Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp

- Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.
- Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).
- Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.
- Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất. Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Doanh nghiệp hoạt động.

# CÁC RỦI RO

## RỦI RO KINH TẾ:

Các yếu tố kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá ngoại tệ sẽ tác động trực tiếp đến việc tiêu thụ sản phẩm. Do vậy, việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam là một yếu tố tác động mạnh mẽ đến sự nhu cầu tiêu dùng của xã hội, thúc đẩy sự gia tăng sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị phần. Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm thiểu rủi ro cho các doanh nghiệp trong nước, trong đó có DHH.

### Tăng trưởng kinh tế

Theo báo cáo của cục thống kê, tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước năm 2018 tăng 7,08% so với năm 2017 vượt chỉ tiêu 6,7% do Q4 tăng mạnh mẽ, và là mức tăng trưởng cao nhất trong 8 năm trở lại đây. Những biến động của nền kinh tế vĩ mô ở trong và ngoài nước có tác động trực tiếp đến sự phát triển của các thành phần cũng như ngành nghề kinh tế và tất nhiên sẽ có ảnh hưởng gián tiếp đến việc tiêu dùng của người dân đối với các sản phẩm liên quan đến ngành Dược.



### Lạm phát

Lạm phát Việt Nam trong những năm gần đây có diễn biến rất phức tạp và dao động với biên độ lớn tạo ra sự bất ổn định về giá cả và gây ảnh hưởng gián tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Giai đoạn 2011 đến 2014, chính phủ đã mạnh tay thực hiện các giải pháp để kiềm chế lạm phát và đã đạt được kết quả nhất định. Năm 2015, ấn định mức lạm phát của Việt Nam là 0,65%, là mức lạm phát thấp nhất của Việt Nam trong vòng hơn 10 năm trở lại đây. Theo báo cáo của cục thống kê Việt Nam, mức lạm phát của năm 2016 là 2,66%, năm 2017 là 2,53%, có tăng mạnh so với năm 2014 và 2015. Năm 2018, lạm phát được giữ ở mức cơ bản là 1,48%.

### Lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này được công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.



## RỦI RO CẠNH TRANH

Trong một thời gian ngành Dược được đánh giá là ngành hấp dẫn nên đã thu hút được dòng tiền nhiều. Rất nhiều nhà máy đã và đang xây mới. Đầu tư của các nhà máy thì ngày càng quy mô và bài bản. Điều đó đã dẫn đến sự cạnh tranh khốc liệt những năm tới khi các nhà máy này đi vào hoạt động.

Một xu hướng trong những năm gần đây và những năm tiếp theo là các tập đoàn Dược phẩm nước ngoài với kinh nghiệm lâu năm trong sản xuất và kinh doanh dược phẩm, công nghệ hiện đại sẽ tiếp tục tìm kiếm thị trường và cơ hội đầu tư vào Việt Nam. Thực tế này đòi hỏi Công ty phải nâng cao hơn nữa chất lượng các sản phẩm thuốc, cải tiến công nghệ và đa dạng hóa các chủng loại sản phẩm, cập nhật liên tục các sản phẩm thế hệ mới nhưng giá cả hợp lý, thị trường có nhu cầu thực sự, xây dựng hệ thống phân phối uy tín, lan toa đến mọi nơi, đạt độ tin cậy trong giới y khoa và người tiêu dùng để có thể tồn tại và cạnh tranh trên chính thị trường.

## RỦI RO KHÁC

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con

người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLD, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC...

## RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các điều Luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật Dược... Song Luật pháp và các văn bản dưới luật, các quy định của ngành, hướng dẫn về thuế thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ và đang trong quá trình hoàn thiện nên sẽ tác động đến kết quả kinh doanh và định hướng của Công ty. Việc này dễ dẫn đến nguy cơ bị phạt, tranh chấp, bồi thường có thể xảy ra nếu Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định mới. Doanh nghiệp luôn tập trung chú ý vào sự cập nhật của pháp luật cũng như là thuê các bên tư vấn để đảm bảo tính pháp lý trong việc sản xuất và vận hành. Hơn thế nữa, công ty đã và đang thực hiện việc đào tạo các chuyên viên pháp lý để kịp thời nắm bắt và cập nhật kiến thức pháp luật.

## RỦI RO VỀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Theo lộ trình, đến năm 2020 Cục Quản lý Dược sẽ đưa chuẩn PIC/S vào tiêu chuẩn. Hiện tại yêu cầu của sản xuất thuốc là chuẩn GMP - WHO và các cơ quan quản lý đòi hỏi làm đúng chuẩn. Trong năm, Công ty có thẩm định dây chuyền Cao nước và đã nhìn thấy rằng: Các chuyên gia của Cục Quản lý Dược làm đúng yêu cầu như GMP WHO. Chính sách của Cục đã rất rõ ràng: Muốn tiếp tục sản xuất thì phải đảm bảo các điều kiện theo yêu cầu của nhà máy đạt chuẩn, còn nếu không đạt thì Công ty sẽ không được quyền sản xuất nữa. Vì vậy, chỉ có các doanh nghiệp đầu tư bài bản, sản xuất bài bản mới tồn tại được. Mà đầu tư bài bản, sản xuất bài bản thì đầu tư rất lớn, giá thành sản phẩm cao.

Theo lộ trình từ năm 2018, các cơ quan quản lý yêu cầu tách công sản xuất thực phẩm chức năng và thuốc, có nghĩa là nếu muốn sản xuất đồng thời cả thực phẩm chức năng và thuốc chúng ta phải nhân đôi số dây chuyền. Hiện nay xảy ra vì sự suy giảm nhiều của thực phẩm chức năng do thị trường mất lòng tin đối với sản phẩm cũng như cạnh tranh nhiều. Sản phẩm sản xuất của chúng ta có thể coi như là gia công thực phẩm chức năng. Sự suy giảm này cũng ảnh hưởng đến chúng ta.

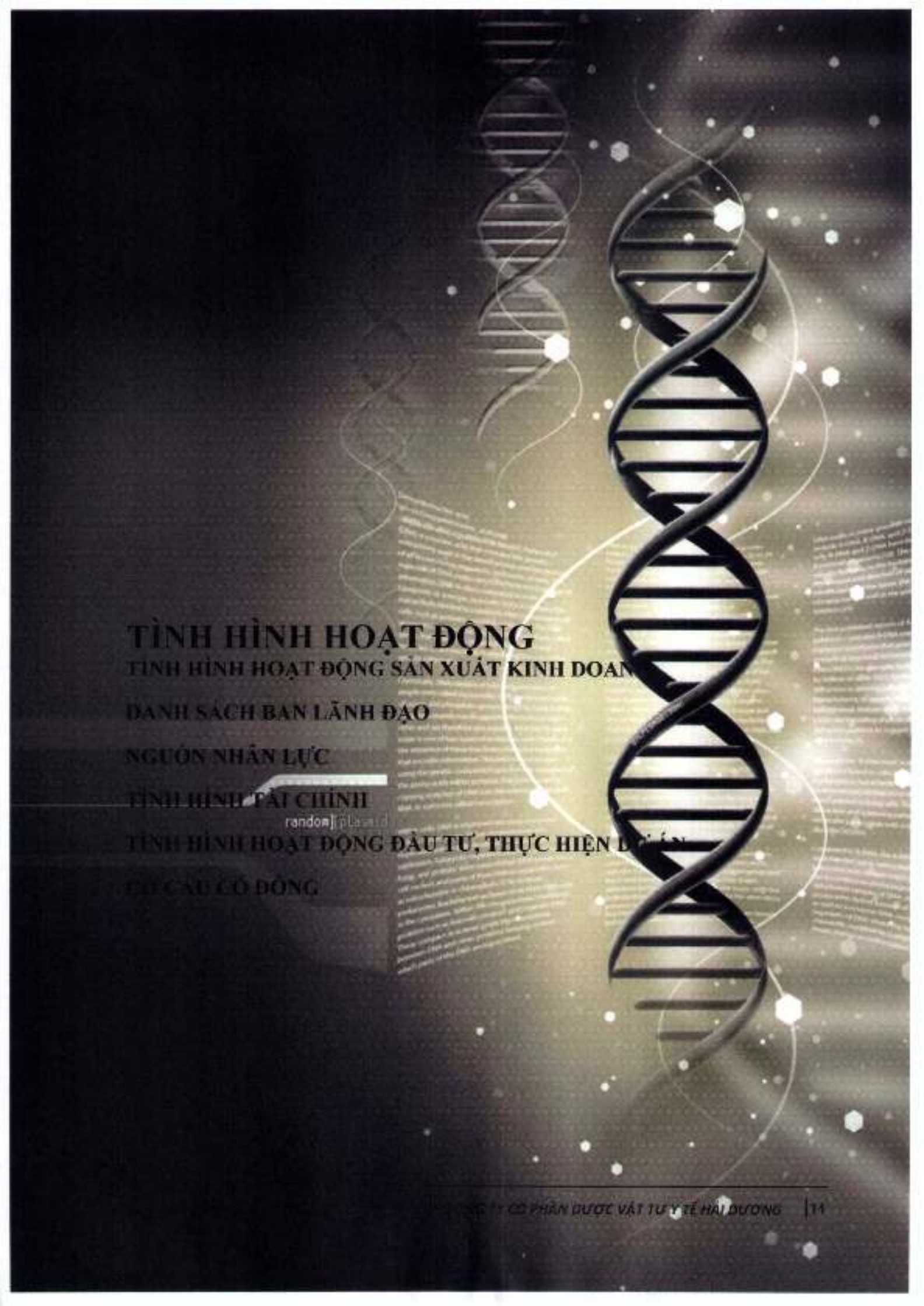
## RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH DƯỢC PHẨM

Vấn đề hàng giả, hàng nhái là một trong những thực tế đáng lo ngại nhất hiện nay đối với các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Mặc dù Luật Sở hữu trí tuệ ra đời đã góp phần bảo vệ các doanh nghiệp dược trước sự xâm hại của hàng giả, hàng nhái cũng như làm mạnh hòa môi trường cạnh tranh của ngành nhưng vẫn không giải quyết được triệt để rủi ro này. Dược phẩm là một loại hàng hóa đặc biệt, có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và sự an toàn của con người. Hơn nữa, chi phí đầu tư, thời gian và công sức dành cho công tác nghiên cứu và phát triển cũng như việc xâm nhập thị trường của ngành Dược cao hơn so với bất cứ ngành công nghiệp nào khác, trong khi đó tỷ lệ thành công của các thử nghiệm sản phẩm mới lại rất thấp. Bên cạnh đó, các thuốc phục vụ cho dịch bệnh, thuốc chuyên khoa luôn phải dự trữ nhưng luôn tiềm ẩn rủi ro không tiêu thụ được. Hàng hóa trong lĩnh vực Dược phẩm có thời hạn sử dụng nhất định. Việc không tiêu thụ hết sản phẩm khi hết thời hạn sử dụng mang lại rủi ro thua lỗ cho doanh nghiệp. Trước những rủi ro mang tính đặc thù đó, Công ty phải có những biện pháp phù hợp cũng như khả năng xây dựng kế hoạch tiêu thụ và luân chuyển sản phẩm một cách hợp lý để hạn chế những rủi ro này.

## RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN VẬT LIỆU

Do đặc thù ngành hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, Công ty phải chịu tác động trực tiếp từ sự biến động của giá nguyên vật liệu đầu vào. Đặc biệt, với những lĩnh vực đặc thù như ngành Dược, Công ty phải chịu sự quản lý chặt chẽ của nhà nước về giá bán đầu ra. Chính vì thế, Công ty phải gánh chịu những rủi ro đặc thù, tiềm ẩn những biến động khó lường.

Để giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên vật liệu đến hiệu quả kinh doanh, Công ty đã thương lượng với các nhà cung ứng về giá và chủ động thực hiện việc thu mua dược liệu để duy trì sự ổn định lâu dài về chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

NGUỒN NHÂN LỰC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

random|placeid

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN DỰ ÁN

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2017	2018/ 2017
Doanh thu thuần	Đồng	741.071.061.457	858.682.641.196	86,30%
Giá trị hàng bán	Đồng	588.929.442.116	678.846.040.186	86,75%
Lợi nhuận gộp	Đồng	152.141.619.341	179.836.601.010	84,60%
Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	422.087.337	155.009.083	272,30%
Chi phí hoạt động tài chính	Đồng	3.365.919.421	1.809.073.183	186,06%
Chi phí bán hàng	Đồng	45.856.218.998	43.596.738.359	105,18%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	62.486.786.511	73.522.187.833	84,99%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Đồng	40.854.781.748	61.063.618.718	66,91%
Lợi nhuận khác	Đồng	729.425.105	691.377.762	105,50%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	41.584.206.853	61.754.996.480	67,34%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	33.285.469.282	49.237.695.101	67,60%

### Tổng doanh thu:

- Doanh thu thuần 2018 giảm 13,70% so với 2017, trong khi năm trước tăng 12,18% so với 2016.

### Tổng chi phí:

- Trong năm 2018, chi phí bán hàng tăng 5,18% và chi phí quản lý doanh nghiệp bất đầu giảm, giảm 15,01% so với năm trước.

### Lợi nhuận:

- Doanh thu năm 2018 có xu hướng giảm xuống so với năm 2017, làm cho lợi nhuận gộp giảm, mặc dù tổng chi phí có xu hướng giảm song tốc độ giảm nhỏ hơn tốc độ giảm của lợi nhuận gộp đã dẫn đến lợi nhuận năm 2018 giảm so với năm 2017: lợi nhuận sau thuế năm 2018 giảm 32,40% so với năm trước.

## Hoạt động sản xuất năm 2018

(DVT: nghìn đồng)

Chỉ tiêu	TH 2018	TH 2017	TH 2018/ 2017
Phân xương ống	38.779.305	56.999.209	68,03%
Phân xương Cao nước	27.172.018	28.197.180	96,36%
Phân xương viên	64.106.349	78.236.621	81,94%
Phân xương nang mềm	105.849.614	124.402.473	85,09%
Phân xương Kem mỡ nước	18.691.170	16.381.934	114,10%
Chỉnhanh Dược liệu	492.500	410.980	119,84%
<b>Tổng giá trị sản lượng</b>	<b>255.090.986</b>	<b>304.628.337</b>	<b>83,73%</b>

Cơ cấu sản xuất năm 2018



- Phân xương ống
- Phân xương Cao nước
- Phân xương viên
- Phân xương nang mềm
- Phân xương Kem mỡ nước
- Chỉnhanh Dược liệu

**Công tác kế hoạch sản xuất:** Đây là mảng công việc gặp rất nhiều khó khăn do trong năm công ty đã thay đổi tư duy phương pháp điều hành và quản lý mới. Hơn thế nữa, tỷ lệ phản trả khách hàng đặt gia công tại công ty còn cao, nhiều yếu tố phụ thuộc vào khách hàng nên công ty phải sản xuất theo nhu cầu của khách hàng dẫn đến việc không chủ động được trong công tác kế hoạch và sản xuất.

♦ Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện sản xuất 255.090.986 đồng, giảm 16,2% so với năm 2017 và giảm 27,2% so với kế hoạch đề ra.

## DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**Ông Nguyễn Trung Việt**  
Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Ngày tháng năm sinh: 26/4/1969

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Khoa học xã hội

Quá trình công tác:

♦ Từ năm 1997 – tháng 03/2014: Chủ tịch HĐQT Tập đoàn Vinasun – Ucraina – Kiev

♦ Từ tháng 04/2014 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 2.488.400 cổ phiếu chiếm 41,47% vốn Điều lệ.



**Bà Nguyễn Thị Tú Anh**  
Thành viên Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám Đốc

Ngày tháng năm sinh: 01/9/1965

Trình độ chuyên môn: Dược sỹ Đại học

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 02/1989 đến tháng 10/1991: Đại lý thuốc cho Hiệu thuốc Trung tâm – Xí nghiệp Liên hợp Dược Hải Hưng

♦ Từ tháng 11/1991 đến tháng 7/1995: Tổ trưởng Tổ Pha chế thuốc Tiêm – Xí nghiệp Liên hợp Dược Hải Hưng

♦ Từ tháng 8/1995 đến tháng 3/2003: Mẫu dịch viên bán thuốc tại Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 04/2003 đến tháng 10/2011: Thành viên HĐQT – Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 11/2011 đến tháng 03/2016: Ủy viên HĐQT – Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 04/2016 đến nay: Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 147.720 cổ phiếu chiếm 2,46% vốn Điều lệ.



**Ông Nguyễn Xuân  
Trang**  
Thành viên Hội Đồng  
Quản Trị

Ngày tháng năm sinh: 02/8/1953

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 11/1981 - tháng 4/1999: Phó phòng Kế hoạch sản xuất - Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 5/1999 - tháng 3/2003: Trưởng phòng Kế hoạch cung tiêu - Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 4/2003 - tháng 3/2006: Thành viên Hội đồng Quản trị - Phó Giám đốc Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 4/2006 - tháng 10/2011: Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 11/2011 - tháng 10/2015: Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 10/2015 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị - Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC DKGD: Thành viên Hội đồng quản trị tại Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại IC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 33.200 cổ phiếu chiếm 0,55% vốn Điều lệ.

Health Care  
Doctor  
Hospital  
Pharmacist  
Nurse  
Dentist  
First Aid  
Surgeon  
Emergency

## BAN KIỂM SOÁT



**Bà Phạm Thị Thủy**  
Trưởng Ban Kiểm Soát

Ngày tháng năm sinh: 02/5/1971  
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- ♦ Từ tháng 10/1992 - tháng 3/2015: Nhân viên Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
  - ♦ Từ tháng 4/2015 - tháng 11/2015: Thanh tra Tài chính - Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
  - ♦ Tháng 12/2015 - tháng 10/2016: Thanh tra Tài chính, Trợ lý Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
  - ♦ Tháng 11/2016 - nay: Thanh tra Tài chính, Trợ lý Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Thanh tra Tài chính, Trưởng ban Kiểm soát tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
- Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 11.000 cổ phiếu chiếm 0,18% vốn điều lệ.



**Ông Trần Kim Cương**  
Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày tháng năm sinh: 10/01/1975  
Trình độ chuyên môn: Dược sĩ đại học

Quá trình công tác:

- ♦ Từ tháng 7/1996 - tháng 8/2004: Nhân viên bán thuốc tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương
  - ♦ Từ tháng 10/2004 - tháng 3/2009: Chủ nhiệm Hiệu thuốc Chi Linh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương
  - ♦ Từ tháng 4/2009 - nay: Giám đốc Chi nhánh Thị xã Chi Linh - Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Chi nhánh công ty cổ phần dược VTYT, Hải dương tại Thành phố Chi Linh - Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương
- Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 26.400 cổ phiếu chiếm 0,41% vốn Điều lệ.





**Bà Nguyễn Thị Hương Lan**  
Thành viên Ban Kiểm Soát

Ngày tháng năm sinh: 06/08/1987  
Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 12/2010 – tháng 12/2013: Nhân viên Phòng Nghiệp vụ Kinh doanh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 01/2014 – tháng 02/2015: Phó Trưởng phòng Kinh doanh tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 03/2015 – tháng 06/2018: Phó Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất- Thành viên Ban Kiểm soát tại Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 07/2018 đến nay: Trưởng phòng Kế hoạch sản xuất tại Công ty cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Thành viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không  
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 3.200 cổ phiếu chiếm 0,05% vốn Điều lệ.

MEDICAL

MEDICAL



Health Care  
Doctor  
Hospital  
Pharmacist  
Nurse  
Dentist  
First Aid  
Surgeon  
Emergency

## BAN LÃNH ĐẠO

Ông Vũ Văn Xuyên

Phó Tổng Giám Đốc



Ông Vũ Văn Xuyên

Phó Tổng Giám Đốc

Ngày tháng năm sinh: 04/11/1962

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Chuyên khoa cấp I

Quá trình công tác:

♦ Từ năm 1985 – tháng 02/1997: Công tác tại Xí nghiệp Liên hợp Dược Hải Hưng

♦ Từ tháng 03/1997 – tháng 11/2007: Công tác tại trường Cao đẳng Dược Hải Dương

♦ Từ tháng 11/2007 – tháng 02/2016: Công tác tại Công ty TNHH Dược phẩm Hải Linh

♦ Từ tháng 03/2016 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Phó Tổng Giám Đốc

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 169.600 cổ phiếu chiếm 2,82% vốn Điều lệ.



Ông Đặng Văn Việt

Giám Đốc Chất lượng

Ngày tháng năm sinh: 05/10/1965

Trình độ chuyên môn: Dược sĩ Đại học

Quá trình công tác:

♦ Từ tháng 5/1991 - tháng 5/1995: Cán bộ Hiệu thuốc Đông Anh – Hà Nội

♦ Từ 6/1995 - năm 2001: Quản đốc Phân xưởng tại Công ty Cổ phần Traphaco Hà Nội

♦ Từ 2002 - tháng 12/2003: Giám đốc Công ty Cổ phần Traphaco Sapa

♦ Từ tháng 1/2004 - tháng 3/2007: Giám đốc sản xuất Công ty Cổ phần Nam Dược Hà Nội

♦ Từ tháng 4/2007 - tháng 10/2012: Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 11/2012 - tháng 4/2015: Phó Giám đốc tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

♦ Từ tháng 5/2015 đến nay: Giám đốc Chất lượng tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Chất lượng

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 29.400 cổ phiếu chiếm 0,49% vốn Điều lệ.



**Ông Nguyễn Đoàn Trường**  
 Giám đốc Kinh doanh Khu  
 vực Miền Bắc, Miền Trung  
 & Tây Nguyên

Ngày tháng năm sinh: 30/09/1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

- ◆ Từ năm 1995 – năm 2002: Công tác tại Công ty Coca – Cola Ngọc Hồi
  - ◆ Từ năm 2002 – năm 2003: Công tác tại Công ty AIA Việt Nam
  - ◆ Năm 2003: Công ty TNHH Nestle Việt Nam
  - ◆ Từ năm 2003 – năm 2005: Công tác tại Công ty Philip Morris Việt Nam
  - ◆ Từ năm 2005 – năm 2013: Kinh doanh riêng
  - ◆ Từ năm 2013 – tháng 06/2017: Công tác tại Công ty Cổ phần Elovi Việt Nam
  - ◆ Từ tháng 07/2017 – tháng 12/2017: Công tác tại Công ty Cổ phần sữa Quốc tế IDI
  - ◆ Từ tháng 03/2018 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Kinh doanh Khu vực Miền Bắc, Miền Trung & Tây Nguyên  
 Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không  
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0 cổ phiếu chiếm 0% vốn Điều lệ.



**Ông Phạm Văn Thoại**  
 Giám Đốc Nhà máy  
 HDPHARMA EU

Ngày tháng năm sinh: 31/10/1978

Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ Dược

Quá trình công tác:

- ◆ Từ năm 2009 – năm 2011: Công tác tại Công ty CPLD Labi of France (Bắc Ninh)
  - ◆ Từ năm 2012 – năm 2013: Công tác tại Công ty TNHH Dược phẩm U.N.I Việt nam
  - ◆ Từ năm 2013 – tháng 08/2017: Công tác tại Công ty TNHH Nipro Pharma Việt Nam
  - ◆ Từ tháng 09/2017 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương
- Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Nhà máy HDPHARMA EU  
 Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không  
 Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 0 cổ phiếu chiếm 0% vốn Điều lệ.



**Ông Trần Phúc Dương**  
Giám đốc Khu vực  
Miền Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- ◆ Từ năm 1989 – năm tháng 07/2015: Tự kinh doanh
- ◆ Từ tháng 08/2015 đến nay: Công tác tại Công ty Cổ phần Dược Vật tư Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Giám đốc Khu vực Miền Nam

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 270.000 cổ phiếu chiếm 4,5% vốn Điều lệ.



**Ông Chu Văn Long**  
Kế Toán Trưởng

Ngày tháng năm sinh: 06/02/1966

Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính kế toán – Chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác:

- ◆ Từ năm 1993 – năm 1997: Nhân viên kế toán - Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương
- ◆ Từ năm 1998 – năm 2003: Phó phòng Kế toán – Công ty Dược vật tư y tế Hải Dương
- ◆ Từ 2004 đến nay: Kế toán trưởng Công ty CP Dược vật tư y tế Hải Dương

Chức vụ công tác hiện nay tại TC ĐKGD: Kế toán trưởng

Chức vụ công tác hiện tại tại TC khác: Không

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán: 26.600 cổ phiếu chiếm 0,44% vốn Điều lệ.



## NGUỒN NHÂN LỰC

Để đáp ứng nhu cầu công việc, Công ty đã tuyển dụng công nhân viên với nhiều cấp bậc và trình độ khác nhau.

*Bảng cơ cấu công nhân viên năm 2018*

Tiêu chí	Số lượng 2018 (người)	Tỷ trọng 2018 (%)
Trình độ Đại học và trên Đại học	163	21,71%
Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	560	74,57%
Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	11	1,46%
Lao động phổ thông	17	2,26%
<b>Tổng</b>	<b>751</b>	<b>100%</b>

### **Công tác quản lý lao động:**

Công ty quản lý giờ làm việc; công việc chủ yếu sử dụng theo khoán việc và khoán sản phẩm để đánh giá kết quả lao động.

### **Chính sách lao động:**

Trong năm, Công ty đã thực hiện một số chương trình đào tạo nghiệp vụ, đào tạo phòng cháy chữa cháy và đào tạo cho cán bộ quản lý,...

Công tác an toàn vệ sinh lao động được triển khai theo định kỳ hàng năm.

### **Mức lương:**

Mức lương trung bình của cán bộ công nhân viên trong Công ty là 7.200.000đ/ người/ tháng.



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

STT	Chỉ tiêu	2018	2017	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	646.800.251.792	550.635.906.137	17,46%
2	Doanh thu thuần	741.071.061.457	858.682.641.196	-13,70%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.854.781.748	61.063.618.718	-33,09%
4	Lợi nhuận khác	709.425.105	691.377.762	5,50%
5	Lợi nhuận trước thuế	41.564.206.853	61.754.996.480	-32,66%
6	Lợi nhuận sau thuế	33.285.469.282	49.237.695.101	-32,43%
7	Lợi nhuận cơ bản trên cổ phiếu	5.548	8.206	-32,39%

STT	Chỉ tiêu	2018	2017	% tăng giảm
<b>1 Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,85	2,03	-8,75%
	Hệ số thanh toán nhanh	1,48	1,6	-7,82%
<b>2 Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,56	0,54	4,48%
	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,30	1,17	10,29%
<b>3 Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
	Vòng quay hàng tồn kho	6,56	7,75	-15,43%
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,15	1,56	-26,53%
<b>4 Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	4,47%	5,71%	-21,72%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	11,81%	19,45%	-39,25%
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)	5,15%	8,94%	-42,45%
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	5,51%	7,11%	-22,48%

### Khả năng thanh toán:

- Trong năm 2018, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán ngắn hạn với 1,85 lần, tuy nhiên hệ số trên đã giảm so với năm 2017.
- Hệ số thanh toán nhanh của công ty năm 2018 giảm so với năm 2017 và giảm xuống còn 1,4.

### VỀ CƠ CẤU VỐN:

- Hệ số Nợ/Tổng tài sản tăng do tổng tài sản trong năm 2018 của Công ty tăng ít hơn Nợ phải trả. Cụ thể, tổng tài sản tăng 17,46% còn nợ phải trả tăng tới 22,73% so với năm 2017.
- Hơn thế nữa, Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu cũng tăng đáng kể do nợ phải trả tăng mạnh hơn so với vốn chủ sở hữu từ 2017 đến 2018.

### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:

- Chỉ số vòng quay hàng tồn kho trong năm 2017 tăng do hàng tồn kho giảm 15,43% so với 2017.
- Chỉ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản giảm do doanh thu thuần năm 2018 giảm trong khi tổng tài sản tăng lên so với năm trước.

### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Lợi nhuận sau thuế giảm dẫn tới các hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu và Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản vẫn giảm đáng kể.

## HỆ SỐ TÀI CHÍNH



Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018
Số thanh toán ngắn hạn	1,64	1,67	1,69	2,03	1,85
Số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,27	1,09	1	1,17	1,30
Đánh thu thuần/Tổng tài sản	2,52	2,15	1,89	1,56	1,15

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

### Thông tin cổ phiếu:

Số lượng cổ phần:	6.000.000 cổ phiếu
Mệnh giá cổ phiếu:	10.000 Đồng
Số lượng cổ phiếu ưu đãi:	0 cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông:	6.000.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu đang lưu hành:	6.000.000 cổ phiếu
Số cổ phần chuyển nhượng tự do:	6.000.000 cổ phiếu
Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng:	0 cổ phiếu

### Cơ cấu cổ đông năm 2018

*Bảng cơ cấu Cổ đông theo loại hình sở hữu*

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ (%)
1	<b>Cổ đông trong nước</b>	416	98,81%
	- Tổ Chức		
	- Cá nhân	416	100%
2	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	5	1,19%
	- Tổ chức		
	- Cá nhân	5	100%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>421</b>	<b>100%</b>

*Bảng cơ cấu Cổ đông theo tỷ lệ sở hữu*

STT	Đối tượng	Số lượng Cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
1	<b>Cổ đông Nhà nước</b>		-
2	<b>Cổ đông sáng lập</b>		-
3	<b>Cổ đông lớn</b>	<b>2.960.090</b>	<b>49,3%</b>
	Trong nước	2.960.090	100%
	Nước ngoài	-	-
4	<b>Cổ đông khác</b>	<b>3.039.910</b>	<b>50,67%</b>
	Trong nước	3.032.210	99,87%
	Nước ngoài	7.700	0,13%
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.000.000</b>	<b>100%</b>



Danh sách cổ đông lớn:

Tên tổ chức/ cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VĐL
Nguyễn Trung Việt	1069002861	Khu đô thị Ciputra, Quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	2.488.400	41,47%
Trần Mai Lan	001171004106	1506 P2 KĐT Nam Thăng Long, phường Phú Thượng, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội	471.690	7,86%

MEDICAL

MEDICAL





## **BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH  
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
NHỮNG ĐIỀU HIỆN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ  
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI**

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	ĐVT	2018	2017	2018/ 2017
Doanh thu thuần	Đồng	741.071.061.457	858.682.641.196	86,30%
Giá vốn hàng bán	Đồng	588.929.442.116	678.846.040.186	86,75%
Lợi nhuận gộp	Đồng	152.141.619.341	179.836.601.010	84,60%
Doanh thu hoạt động tài chính	Đồng	422.087.337	155.009.083	272,30%
Chi phí hoạt động tài chính	Đồng	3.365.919.421	1.809.073.183	186,06%
Chi phí bán hàng	Đồng	45.856.218.998	43.596.738.359	105,18%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	Đồng	62.486.786.511	73.522.197.833	84,99%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	Đồng	40.854.781.748	61.063.618.718	66,91%
Lợi nhuận khác	Đồng	729.425.105	691.377.762	105,50%
Lợi nhuận trước thuế	Đồng	41.584.206.853	61.754.996.480	67,34%
Lợi nhuận sau thuế	Đồng	33.285.469.282	49.237.695.101	67,60%

### Đánh giá chung:

Năm 2018 là một năm hết sức khó khăn đối với Công ty Dược Vật tư Y tế Hải Dương nói riêng và toàn ngành Dược Việt Nam nói chung.

#### Công tác sản xuất

- Chỉ tiêu sản xuất trong năm 2018 của Công ty đạt 255.090.986.105 đồng, đạt 78,33% kế hoạch năm.

#### Doanh thu và lợi nhuận

- Doanh thu thuần đã giảm 13,70% so với năm 2017 và giảm 21,67% so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân là do sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường tiêu thụ làm cho doanh số của nhóm hàng gia công và nhóm hàng kinh doanh thương mại giảm.
- Sau một năm thay đổi thay đổi phương pháp điều hành và quản lý mới mặc dù một số đầu chi phí đã giảm, song do tốc độ giảm của doanh thu và lợi nhuận gộp giảm nhanh hơn, đã ảnh hưởng lợi nhuận sau thuế năm 2018, cụ thể lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm 32,40%.

#### Thị trường

Thị phần lớn và cốt yếu của Công ty là thị trường phía Nam, trên thị trường sản nhà là thị trường Hải Dương, HDPHARMA mới chỉ mạnh ở mảng bán ETC. Do môi trường cạnh tranh hết sức khốc liệt, thị phần OTC hàng sản xuất của Công ty tăng trưởng rất chậm.

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	2018	2017	% Thay đổi
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>437.256.018.009</b>	<b>437.242.897.192</b>	<b>0,003%</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.027.650.875	18.912.540.847	-41,69%
Các khoản phải thu ngắn hạn	332.251.568.295	322.696.912.490	2,96%
Hàng tồn kho	88.044.816.261	91.573.234.704	-3,85%
Tài sản ngắn hạn khác	5.931.982.578	4.060.209.151	46,10%
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>209.544.233.783</b>	<b>113.393.008.945</b>	<b>84,79%</b>
Tài sản cố định	153.475.959.821	79.718.093.936	92,52%
Tài sản dở dang dài hạn	52.634.087.063	33.616.905.342	56,57%
Đầu tư tài chính dài hạn	20.000.000	23.000.000	-13,04%
Tài sản dài hạn khác	3.414.186.899	35.009.667	9652,13%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>646.800.251.792</b>	<b>550.635.906.137</b>	<b>17,46%</b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>365.070.717.496</b>	<b>297.462.493.123</b>	<b>22,73%</b>
Nợ ngắn hạn	236.493.340.448	215.789.583.009	9,59%
Nợ dài hạn	128.577.377.048	81.672.910.114	57,43%
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>281.729.534.296</b>	<b>253.173.413.014</b>	<b>11,28%</b>

### Tài sản

Nhìn chung, cơ cấu tài sản của Công ty có thay đổi trong năm 2018 do Công ty đầu tư vào nhà máy mới.

#### Tài sản ngắn hạn:

Tổng tài sản ngắn hạn tăng lên không đáng kể, năm 2018 chỉ tăng 0,003% so với năm 2017.

#### Tài sản dài hạn:

Tài sản dài hạn năm 2018 có sự tăng mạnh, cụ thể tăng 84,79% so với năm 2017. Sự gia tăng chủ yếu đến từ tài sản cố định tăng 92,52% và tài sản dở dang dài hạn tăng

56,57% do công ty đang đầu tư thêm cơ sở vật chất và đầu tư nhà máy mới..

#### Nợ phải trả

Trong 2018, công ty thay đổi cơ cấu nợ vay khi tiếp tục tăng nợ dài hạn lên tới 57,43% so với 2017.

Nợ ngắn hạn tăng 9,59% trong năm 2018 tuy nhiên chỉ số thanh khoản của Công ty vẫn được đảm bảo.

#### Vốn chủ sở hữu

Trong năm 2018, Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng lên chủ yếu do gia tăng Quỹ đầu tư phát triển.

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Năm 2018, Ban lãnh đạo và đội ngũ cán bộ quản lý trong công ty đã phát huy tốt kỹ năng tổ chức, quản lý, phù hợp với tình hình thị trường. Điều đó đã cùng cố vững chắc nền văn hóa kinh doanh mới đã được thiết lập, thay đổi tầm nhìn, phương hướng và chiến lược tiến tới xây dựng một nền tảng vững chắc cho việc phát triển trong tương lai của công ty

Trong công tác quản lý, Công ty đã tổ chức thực hiện các công việc cần thiết như ổn định lại tình hình nhân sự, rà soát và tái thiết lập những quy trình quản lý nghiệp vụ trong mọi hoạt động tiến tới ổn định và tăng cường hiệu quả trong công tác quản lý.

Không ngừng bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị doanh nghiệp trên cơ sở cập nhật các quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của Công ty, kịp thời điều chỉnh để đạt hiệu quả cao nhất.



Công tác quản trị của Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu quy định tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của

Bộ Tài chính. Công ty bảo đảm môi trường, điều

kiện về kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Các báo cáo tài chính của Tổng công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản



xuất kinh doanh của Tổng công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Tổng công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình, góp phần giúp cho Tổng công ty hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm. Tổng công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị công ty, hướng tới áp dụng thành công các thông lệ quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các giải pháp hỗ trợ trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh

## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

*Năm 2019 cạnh tranh trong thị trường Dược phẩm trong nước sẽ càng khó khăn hơn, Ban giám đốc Công ty sẽ đánh giá đúng về năng lực của hệ thống kinh doanh, đánh giá đúng các đối thủ cạnh tranh; có những định hướng cụ thể và điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thị trường:*

### **Thay đổi chính sách khách hàng phù hợp**

Không ngừng hoàn thiện chính sách phục vụ sản xuất kinh doanh

- ❶ Các phòng ban chức năng, Phòng KHSX, đặc biệt bộ phận dịch vụ khách hàng, tiếp nhận thông tin nhanh nhạy, đáp ứng kịp thời thỏa mãn khách hàng.
- ❷ Đặc biệt tập trung hoàn thiện các Chính sách trong công tác nghiên cứu thực nghiệm; Định mức lao động năng suất định mức lương cho từng sản phẩm.
- ❸ Tiếp tục triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP hiện hành.
- ❹ Kiên trì xây dựng và thực hiện chính sách tổng chất lượng để tạo niềm tin cho khách hàng.
- ❺ Tập trung nghiên cứu, phát triển một số mặt hàng chiến lược, có giá trị cao tạo ra những sản phẩm thương hiệu cho HD PHARMA.
- ❻ Đầu tư thêm thiết bị máy móc để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm.
- ❼ Nâng cao trình độ kỹ năng, phát huy sáng kiến cải tiến.

### **Chính sách kinh doanh:**

Hệ thống kinh doanh là những bộ phận đại diện cho Công ty tiếp xúc trực tiếp với khách hàng, là cầu nối để đưa sản phẩm đến tay người tiêu dùng. Theo xu hướng thị trường cạnh tranh hiện nay, Khối Kinh doanh nhận định toàn bộ hệ thống phải liên tục hoàn thiện để đáp ứng và thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Do đó cần liên tục hoàn thiện các chính sách để hướng tới phục vụ khách hàng tốt nhất, đem tới cho khách hàng tổng chất lượng tốt nhất từ sản phẩm đến các dịch vụ cung ứng hàng hóa.

### **Năm 2019 Khối Kinh doanh hoàn thiện các chính sách cụ thể:**

- Chính sách lương thưởng, năng suất: tạo thu nhập ổn định và động lực cho nhân sự kinh doanh thực hiện doanh số bán hàng
- Chính sách khoán kinh doanh phù hợp để các bộ phận thực hiện.
- Chính sách bán hàng, marketing phù hợp với sản phẩm và thị trường.

### **Công tác Kinh doanh**

- ❶ Phân đầu doanh số bán ra đạt chỉ tiêu 850 tỷ đã đề ra cho năm 2019.
- ❷ Chuyên nghiệp hóa công tác của Tổ thầu, mục đích đưa hàng Hải Dương sản xuất ra phạm vi ngoài tỉnh bằng cả hai hình thức dự thầu tự làm thầu và liên doanh với Công ty bạn.
- ❸ Hoàn thiện hệ thống bán hàng OTC để tạo thương hiệu Hải Dương, xây dựng thói quen dùng hàng Hải Dương, đưa hàng HDPHARMA đến các vùng miền của cả nước.
- ❹ Đầu tư cho hệ thống bán hàng tại các tỉnh, có chính sách bán hàng tốt nhất để các đại lý, các cộng tác viên gắn bó với hàng Hải Dương.

### **Công tác hoàn thiện hệ thống bán hàng sản xuất**

- ❶ Hệ thống OTC: Xây dựng và kiện toàn lại toàn bộ hệ thống nhân sự từ QLV đến TDV toàn quốc theo đúng chiến lược kinh doanh đã duyệt.
- ❷ Lựa chọn nhà phân phối, giám sát trình dược viên và nhà phân phối để đạt được mục tiêu phủ hàng tốt, quản lý nhân viên và hàng hóa công nợ chặt chẽ hiệu quả.
- ❸ Hệ thống ETC: Giữ vững ổn định về mặt nhân sự, phát triển địa bàn sâu và xây dựng mối quan hệ tốt với các bệnh viện, các sở ban ngành. Kiện toàn một số tỉnh như Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Tuyên Quang và các tỉnh ở miền Nam miền trung mà công ty chưa làm thầu.
- ❹ Triển khai giới thiệu và bán các mặt hàng mới mà Hội đồng triển khai sản phẩm mới đã đăng kí và triển khai đưa ra thị trường những mặt hàng thay đổi lại mẫu mã, chất lượng.
- ❺ Các chi nhánh phối hợp cùng phòng kinh doanh, phòng marketing xây dựng các chương trình khuyến mại sản phẩm phù hợp với thị hiếu của khách hàng.
- ❻ Khối kinh doanh và phòng marketing triển khai các hội thảo, hội nghị khách hàng tại các tỉnh.
- ❼ Khối kinh doanh phối hợp cùng các phòng ban (Marketing, Đảm bảo chất lượng,...) để đào tạo nhân sự QLV, TDV trong năm 2019, mô hình làm theo nhóm, theo vùng.
- ❽ Phân đầu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản lượng 330 tỷ năm 2019 với chất lượng sản phẩm ổn định, liên tục hoàn thiện cung cấp hàng kịp thời cho khách hàng.
- ❾ Kế hoạch doanh số kinh doanh năm 2019 là 850 tỷ.

A photograph of a stethoscope and a pair of glasses resting on a desk. A document is open in the foreground, and the stethoscope is draped over it. The lighting is warm and focused on the objects.

## **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY**

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT  
ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC**



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2018 là một năm khó khăn không chỉ riêng Công ty mà còn chung cho cả ngành Dược Việt Nam. Thị trường cạnh tranh khốc liệt với sự tham gia của các tập đoàn dược phẩm nước ngoài, sự bùng nổ của dòng tiền chảy vào ngành, bão hòa của thực phẩm chức năng, sự quản lý gắt gao nâng chuẩn của các cơ quan quản lý, sự tăng giá chóng mặt của nguyên vật liệu ngành Dược,... Chúng ta đã vượt qua năm 2018 với kết quả không tốt lắm nhưng tạm hài lòng.

### **Doanh thu và lợi nhuận**

Doanh thu năm qua đã bắt đầu có sự sụt giảm dẫn đến lợi nhuận của công ty năm 2018 giảm so với năm 2017.

### **Tình hình sản xuất:**

Giá trị sản lượng hàng sản xuất năm 2018 đạt :255.090.986.105 đồng, giảm 27,2% so với kế hoạch và giảm 16,2% so với năm 2017.



### **Công tác Dự án:**

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai dự án xây dựng dây chuyền sản xuất thuốc viên, cốm, sùi không chứa kháng sinh Betalactam đạt tiêu chuẩn GMP- WHO và GMP- EU tại nhà máy Cẩm Thượng với mức đầu tư là 300 tỷ đồng theo nghị quyết Đại hội cổ đông. Đến nay công tác xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị nhà xưởng đã hoàn thành và đã thực hiện đúng các quy trình, quy



định về việc đầu tư của công ty.

## **CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Tiếp tục triển khai xây dựng và áp dụng Hệ thống Quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn GMP, GLP, GSP hiện hành.
- Đầu tư thêm thiết bị máy móc để tăng năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm.
- Nâng cao trình độ kỹ năng, phát huy sáng kiến cải tiến.
- Hoàn thiện hệ thống bán hàng OTC để tạo thương hiệu Hải Dương, xây dựng thói quen dùng hàng Hải Dương, đưa hàng HDPHARMA đến các vùng miền của cả nước.
- Phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch sản lượng 330 tỷ năm 2019 với chất lượng sản phẩm ổn định, liên tục hoàn thiện cung cấp hàng kịp thời cho khách hàng.
- Kế hoạch doanh số kinh doanh năm 2018 là 850 tỷ.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ BAN GIÁM ĐỐC

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã thực hiện giám sát, chỉ đạo đối với Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT, đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với TGD công ty thông qua báo cáo định kỳ hàng tháng của các Tiểu ban thuộc HĐQT và báo cáo chi tiết, đầy đủ, kịp thời của TGD về tiến độ thực hiện, định hướng triển khai, những khó khăn, vướng mắc... tại các cuộc họp định kỳ hàng tháng và đột xuất của HĐQT. Qua đó nắm bắt tình hình của công ty, đề ra các quyết định kịp thời, đúng đắn, điều tiết trôi chảy và hiệu quả nhất có thể trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong hoạt động điều hành, Ban Tổng Giám đốc thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có trình độ, năng lực và phẩm chất; được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách, có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành công ty, tuân thủ chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; các

định hướng chiến lược của Hội đồng quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được Tổng Giám đốc triển khai thực hiện theo đúng kế hoạch.

Hội đồng quản trị thống nhất với kết quả báo cáo của Ban Tổng giám đốc về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018. Các chỉ tiêu cơ bản về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, nộp thuế, việc làm và thu nhập của người lao động, quyền lợi của cổ đông, đầu tư phát triển sản xuất, xử lý môi trường, thực hiện nghĩa vụ xã hội... đều được báo cáo đầy đủ và phản ánh đúng tình hình thực tế của Công ty.

Trong năm 2018 với tình hình kinh tế khó khăn, nhưng ban Giám đốc Công ty đã nỗ lực hết mình để thực hiện các chiến lược đề ra, chấp hành tốt các nghị quyết của hội đồng quản trị, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chấp hành tốt các chính sách pháp luật Nhà nước, phát huy tối đa năng lực của công ty.

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
BAN KIỂM SOÁT

CÁC NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ LƯƠNG,  
THƯỜNG, THỬ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH GIAO DỊCH CỔ PHIẾU  
CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu Hội Đồng Quản Trị

Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	2.488.400
Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT/TGĐ	147.720
Nguyễn Xuân Trang	Thành viên HĐQT	33.200

### Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Tên các tiểu ban	Nhiệm vụ	Đánh giá hoạt động của các tiểu ban trực thuộc HĐQT
<b>Hội đồng Khen thưởng Kỷ luật</b>	- Hội đồng tham gia xem xét phân tích trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị ra quyết định những hình thức khen thưởng, Tổng Giám đốc quyết định những hình thức kỷ luật đối với lao động.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
<b>Hội đồng khoa học kỹ thuật</b>	- Hội đồng có trách nhiệm tư vấn cho HĐQT về những lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng và chiến lược phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Xét và công nhận những đề tài nghiên cứu, những sáng kiến cải tiến.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
<b>Hội đồng kiểm kê</b>	- Hội đồng xác định giá trị hàng hoá tài sản trên thực tế đến kỳ báo cáo hoặc số lượng tài sản, hàng hoá đến một thời điểm xác định lại giá trị.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
<b>Hội đồng thanh lý</b>	- Hội đồng giúp HĐQT xác định những tài sản, hàng hoá không còn giá trị sử dụng được đánh giá lại hoặc huỷ bỏ	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
<b>Hội đồng An toàn lao động</b>	- Tham gia, tư vấn với Tổng giám đốc và phối hợp các hoạt động trong việc xây dựng quy chế quản lý, chương trình hành động, kế hoạch bảo hộ lao động và các biện pháp an toàn lao động, bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, môi trường, cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp, các nhiệm vụ của Công ty theo pháp luật quy định.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.
<b>Hội đồng nghiệm thu</b>	- Tư vấn cho Hội đồng quản trị, kiểm tra, xác nhận thực tế về chất lượng, số lượng tài sản cố định, máy móc thiết bị, công trình sửa chữa, xây dựng cơ bản hoàn thành theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật đã được phê duyệt.	Thực hiện đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ được giao.

## Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp thường kỳ 5 lần, để trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Quyết định các công việc định kỳ và các công việc phát sinh theo thẩm quyền như: phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh; phê duyệt các dự án đầu tư; báo cáo tài chính hàng quý, năm; kiện toàn cơ cấu nhân sự. Các cuộc họp đều tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, kết thúc mỗi cuộc họp đều lập biên bản.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi dự họp	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	05	100%	
2	Ông Nguyễn Xuân Trang	Thành viên HĐQT	05	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Tú Anh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	05	100%	

## Các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong năm 2018:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Thời gian	Nội dung
1	Số 15/NQ- HĐQT	Ngày 12/3/2018	Bổ nhiệm Ông Nguyễn Đoàn Trường giữ chức vụ Giám đốc kinh doanh khu vực Miền Bắc , Miền Trung và Tây Nguyên. - Phê duyệt phương án phân phối số trái phiếu cổ đông không đăng ký mua. - Làm lại hạn mức tín dụng năm 2018 với NH VCB - Hải Dương.
2	Số 16/NQ- HĐQT	Ngày 21/3/2018	- Thành lập tiểu ban chuẩn bị văn kiện và thủ tục pháp lý để tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2018. - Kiện toàn lại mô hình hoạt động kinh doanh và hạch toán của các chi nhánh trong tỉnh.
3	Số 17/NQ- HĐQT	Ngày 10/4/2018	Thông qua toàn bộ tài liệu báo cáo, tờ trình do các tiểu ban soạn thảo trình đại hội cổ đông thường niên năm 2018, thời gian đại hội 24/4/2018 .
4	Số 18/NQ- HĐQT	Ngày 16/5/2018	Thông qua việc điều chỉnh chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ nguồn phát hành trái phiếu chuyển đổi năm 2018. - Giải thể 2 chi nhánh trong tỉnh: Chi nhánh tại huyện Gia Lộc và Chi nhánh tại Huyện Bình Giang.
5	Số 21/NQ- HĐQT	Ngày 13/7/2018	- Mua Nhà , đất để thành lập chi nhánh Miền Trung tại Đà Nẵng. - Bổ nhiệm một số chức danh cho cán bộ quản lý..

## Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

- Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành Công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của Công ty.
- Năm 2018, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.
- Thành viên của HĐQT độc lập có ông Nguyễn Xuân Trang. Trong năm 2018, thành viên này có tham gia cùng với thành viên khác của HĐQT giải quyết các vấn đề phát sinh qua HĐQT.

## BAN KIỂM SOÁT

### Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm Soát

Họ tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ
Phạm Thị Thuý	Trưởng ban kiểm soát	11.000
Trần Kim Cương	Thành viên ban kiểm soát	24.600
Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên ban kiểm soát	3.200

### Hoạt động của Ban Kiểm Soát:

- Ban kiểm soát có 1 trưởng ban và 2 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Trong năm Ban kiểm soát đã phối hợp và làm việc trực tiếp với Ban Tổng Giám đốc Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động Công ty, góp phần đóng góp ý kiến để giải quyết các khó khăn phát sinh trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Ban Kiểm soát đã theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.
- Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2018 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2018 của Công ty.
- Ban kiểm soát nhận các thông tin về các quyết định của Hội đồng quản trị, Báo cáo tình hình nhiệm vụ, kế hoạch và các biện pháp thực hiện; đồng thời xem xét chỉ đạo và triển khai hoạt động của Hội đồng quản trị cũng như việc thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc điều hành.

### Kết quả làm việc của Ban Kiểm Soát:

- Trong năm 2018 Ban Kiểm Soát không nhận được đơn thư khiếu nại nào của các cổ đông về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, về sự điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Chi trả cổ tức 7% theo vốn góp, tương đương với số tiền 4.200.000.000 đồng
- Trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận.
- Lựa chọn công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính năm 2018.
- Thực hiện xong việc phát hành trái phiếu, số lượng phát hành 200.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 đ/trái phiếu. Trong đó phát hành cho nhà đầu tư chiến lược 150.000 trái phiếu, cho cổ đông hiện hữu 50.000 trái phiếu tương đương với tổng số tiền 20 tỷ đồng.
- Về việc triển khai dự án: Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã triển khai dự án xây dựng dây chuyền sản xuất thuốc viên, cốm, sủi không chứa kháng sinh Betalactam đạt tiêu chuẩn GMP- WHO và GMP- EU tại nhà máy Cẩm Thượng với mức đầu tư là 300 tỷ đồng theo nghị quyết Đại hội cổ đông. Đến nay công tác xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị nhà xưởng đã hoàn thành và đã thực hiện đúng các quy trình, quy định về việc đầu tư của công ty.
- Thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT, BKS: năm 2018 Công ty đã chi trả thù lao đầy đủ cho các thành viên HĐQT và BKS theo qui định cũng như định mức đã được ĐHĐCĐ 2018 phê duyệt.

### LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Họ và tên	Chức danh	Thu nhập năm 2018		
		Thù lao	Thu nhập	Tổng thu nhập
<b>Hội đồng quản trị</b>				
Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	332.854.700	546.158.892	879.013.592
Nguyễn Thị Tú Anh	UV HĐQT	332.854.700	465.433.586	798.288.286
Nguyễn Xuân Trang	UV HĐQT	332.854.700	120.568.200	453.422.900
<b>Ban Kiểm Soát</b>				
Phạm Thị Thùy	Trưởng BKS	110.951.550	315.337.043	426.288.593
Trần Kim Cương	TV. BKS	110.951.550	142.084.850	253.036.400
Nguyễn Thị Hương Lan	TV. BKS	110.951.550	195.205.175	306.156.725
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.331.418.750</b>	<b>1.784.787.746</b>	<b>3.116.206.496</b>



## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %
Ông Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT	2.476.400	41,3%	2.488.400	41,47%
Ông Nguyễn Xuân Trang	Thành viên HĐQT	98.200	1,64%	33.200	0,55%
Ông Vũ Văn Xuyên	Phó TGĐ	115.200	1,92%	169.600	2,82%
Ông Trần Phúc Dương	Giám đốc khu vực Miền Nam	120.000	2,00%	270.000	4,50%
Bà Phạm Thị Thủy	Trưởng BKS	6.400	0,10%	11.000	0,18%
Bà Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên BKS	500	0,01%	3.200	0,05%



# **BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

## **2018**



## THÔNG TIN CHUNG VỀ BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

### Giới thiệu báo cáo

Báo cáo phát triển Bền vững của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương được ghép chung trong Báo cáo thường niên để tránh trùng lặp thông tin, mang lại thông tin chất lượng và nội dung ngắn gọn, súc tích cho cổ đông và các bên có liên quan. Mục đích của Báo cáo phát triển bền vững nhằm cung cấp các thông tin về định hướng, chủ trương phát triển của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Hải Dương, các chính sách liên quan đến môi trường xã hội, cộng đồng, người lao động và các bên liên quan khác.

### Mục tiêu

Báo cáo Phát triển Bền vững là một phần quan trọng trong Báo cáo Thường niên nhằm giúp các nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển, hoạt động kinh doanh của Công ty ở khía cạnh phát triển bền vững. Nội dung báo cáo sẽ tổng hợp, đánh giá các hoạt động phát triển bền vững của Công ty.

### Cách thức xác định nội dung báo cáo

Báo cáo thường được xây dựng dựa theo hướng dẫn tiêu chuẩn của tổ chức sáng kiến Báo cáo Toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) phiên bản G4 theo lựa chọn “Cốt lõi” và hướng dẫn làm BCIN tại thông tư 155 của bộ Tài chính. Dựa trên tầm nhìn, định hướng phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty, báo cáo đưa ra các vấn đề trọng yếu của Công ty có tác động đáng kể đến kinh tế, xã hội và môi trường.

### Kỳ báo cáo

Báo cáo được lập cho năm tài chính 2018, bắt đầu từ ngày 01/01/2018 và kết thúc ngày 31/12/2018. Bắt đầu từ năm 2016, Công ty đã tiến hành lập Báo cáo phát triển Bền vững định kỳ hàng năm và công bố cùng với Báo cáo Thường niên theo quy định tại thông tư 155 của Bộ Tài chính.

### Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập cho phạm vi hoạt động của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương, Các đơn vị thành viên trong lĩnh vực dược phẩm và trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

### Tính đảm bảo của báo cáo

Công ty tham khảo và áp dụng các chuẩn mực trong nước và quốc tế để công bố thông tin, số liệu trong báo cáo. Ngoài ra, một số dữ liệu về hoạt động của Công ty được nêu ra trong báo cáo còn có sự đảm bảo của bên thứ ba nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy và tính toàn vẹn của dữ liệu. Một số dữ liệu được đảm bảo bởi bên thứ ba:

- Các thông tin tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

- Một số chứng chỉ quan trọng trong lĩnh vực Dược phẩm.

Địa chỉ liên hệ nếu có câu hỏi:

Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương

Địa chỉ: Số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, Tp. Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Điện thoại: 0320.3853.848

Fax: 0320.3853.848

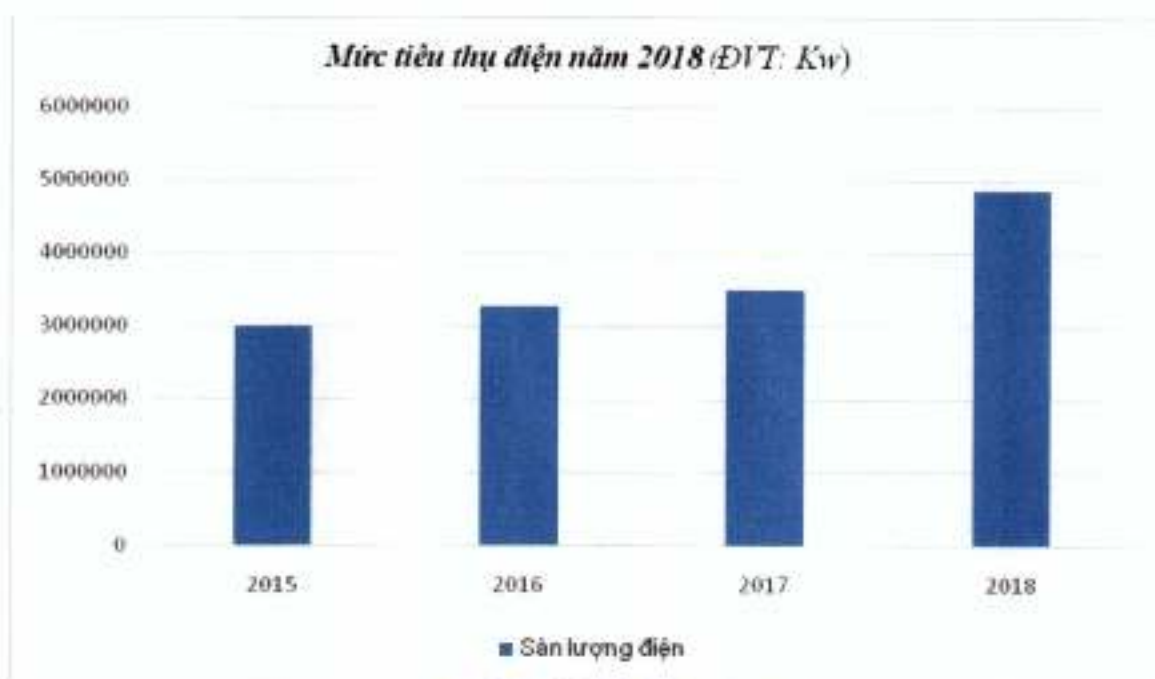
Email: [info@haiduongduoc.com.vn](mailto:info@haiduongduoc.com.vn)

## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty đang trên đà phát triển và mở rộng quy mô trong những năm gần đây dẫn đến việc mức tiêu thụ năng lượng tăng lên.

Hiện Công ty sử dụng điện cho Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương cung cấp. Sản lượng tiêu thụ qua các năm như bảng sau:

Năm	Số Kw
2015	2.992.047
2016	3.263.645
2017	3.500.899
2018	4.857.977



Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Công ty hiện tại đang áp dụng rất tốt chính sách tiết kiệm điện. Với mục tiêu quán triệt cho toàn thể CBNV Công ty tự ý thức tiết kiệm điện, luôn tiết kiệm điện tại cơ quan và gia đình, Công ty đã chú trọng xây dựng các giải pháp và quy định sử dụng điện như:

- Ngắt nguồn điện nếu không sử dụng các thiết bị khi hết giờ làm việc
- Tận dụng tối đa ánh sáng và thông gió tự nhiên
- Chỉ sử dụng điều hòa nhiệt độ khi thật cần thiết
- Cài đặt chế độ làm mát từ 25 độ C trở lên
- Khi cải tạo hoặc trang bị mới phải sử dụng phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng hiệu suất cao theo quy định hoặc thiết bị sử dụng điện có dán nhãn tiết kiệm năng lượng...

## TIÊU THỤ NƯỚC

Nguồn nước của Công ty được cung cấp bởi Công ty TNHH MTV Nước sạch Hải Dương. Khối lượng nước tiêu thụ như bảng sau:

Sử dụng năm 2017		Sử dụng năm 2018	
Khối lượng (m <sup>3</sup> )	Chi phí	Khối lượng (m <sup>3</sup> )	Chi phí
79.147	1.147.629.000	101.016	1.464.729.000

Công ty vẫn luôn luôn chú trọng đến chính sách tiết kiệm nước và luôn luôn quán triệt cho toàn thể CBNV Công ty tự ý thức việc sử dụng tiết kiệm nước, thực hiện tiết kiệm tài nguyên nước tại cơ quan cũng như gia đình và ngoài xã hội.



## CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Tiêu chí	Số lượng 2018 (người)	Tỷ trọng 2018 (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>751</b>	<b>100%</b>
11	Trình độ Đại học và trên Đại học	163	21,71%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	560	74,57%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	11	1,46%
4	Lao động phổ thông	17	2,26%
<b>II</b>	<b>Theo đối tượng lao động</b>	<b>751</b>	<b>100%</b>
1	Lao động trực tiếp	362	48,20%
2	Lao động gián tiếp	389	51,80%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>751</b>	<b>100%</b>
1	Nam	287	38,20%
2	Nữ	464	61,80%
<b>IV</b>	<b>Theo chức vụ</b>	<b>751</b>	<b>100%</b>
1	Quản lý	58	7,70%
2	Văn phòng	331	44,10%
3	Công nhân	362	48,20%

Ban lãnh đạo Công ty hiểu rằng, con người là nhân tố quyết định thành bại của doanh nghiệp. Trong thời gian qua, Công ty đã nỗ lực hết sức mình để tạo ra một môi trường làm việc tốt, bảo đảm quyền lợi cho CBNV, tuân thủ quy định của pháp luật về người lao động. Hơn thế nữa, Công ty có trụ sở đóng tại địa bàn không thuận tiện về giao thông, cách xa các đô thị nên công tác tuyển dụng có gặp những khó khăn nhất định. Chính vì thế, Công ty luôn áp dụng những chế độ ưu đãi, khuyến khích người lao động, nhất là đối với những lao động có kinh nghiệm và

thâm niên lâu dài tại Công ty.

Người lao động làm việc tại Công ty được tham gia BHXH-BHYT-BHTN theo quy định của Nhà nước. Ngoài ra, Công ty còn thường thêm ngoài tiền lương cho người lao động vào các ngày Lễ, Tết; tặng tiền/ quà nhân ngày sinh nhật, hỗ trợ tiền điện thoại cho Cán bộ quản lý và cán bộ một số đơn vị; có chính sách hỗ trợ thêm đối với lao động nữ sinh con và nuôi con nhỏ (hỗ trợ tiền khi sinh con, giảm thời gian làm việc,...), khám sức khỏe định kỳ cho người lao động,...





Vào các dịp Lễ, công ty phối hợp với các đoàn thể khác tổ chức giải thể thao, văn hóa văn nghệ, tổ chức tham quan du lịch cho CBCNV; gặp mặt, khen thưởng cho con em CBCNV có thành tích học tập tốt, tặng quà nhân ngày tết Thiếu nhi, Trung thu, gặp mặt, giúp đỡ, động viên những CBCNV có hoàn cảnh khó khăn,...



### Công tác đảm bảo an toàn



Thành lập Hội đồng an toàn vệ sinh lao động của Công ty, Hội đồng xây dựng kế hoạch bảo hộ lao động cho từng năm, phù hợp với điều kiện cụ thể của từng giai đoạn. Mạng lưới an toàn vệ sinh được xây dựng đến từng tổ sản xuất, tham gia các lớp huấn luyện do Công ty và Sở lao động thương binh và xã hội tổ chức. Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn, quy định về phòng cháy chữa cháy trong quá trình sản xuất.

Các loại vật liệu dễ cháy, nổ có nơi cất giữ riêng biệt.

Kho chứa, bình đựng được bảo đảm thiết kế bộ phận an toàn, có thiết kế thiết bị theo dõi nhiệt độ, báo cháy, bố trí mạng lưới đường ống dẫn nước phòng cháy đến tất cả các phân xưởng sản xuất, đặc các họng cứu hỏa tại các điểm gần khu sản xuất, nhà kho. Xây dựng đội phòng chống cháy nổ đảm nhiệm công tác phòng cháy chữa cháy cho khu vực Công ty. Đội phòng cháy chữa cháy luôn luôn được tập huấn theo định kỳ. Tất cả công nhân trực tiếp làm việc trong các bộ phận có khả năng xảy ra cháy nổ. Bên cạnh đó, Công ty luôn có phương án phòng cháy chữa cháy được Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy – Công an Tỉnh Hải Dương thẩm duyệt ngay từ khi xây dựng và đưa vào sử dụng. Các họng lấy nước cứu hỏa bố trí đều khắp trong khu vực nhà ở dọc theo các trục đường giao thông và hành lang công trình kết hợp bố trí các dụng cụ chữa cháy như bình CO<sub>2</sub>, bình bột,... đặt ở những địa điểm thao tác thuận lợi trong các công trình.

### Duy trì hoạt động của Tổ quản lý môi trường

Tổ quản lý môi trường được thành lập với trách nhiệm quản lý môi trường chung trong toàn khu vực Công ty. Tổ quản lý môi trường có trách nhiệm điều tra, giám sát và đôn đốc các cán bộ nhân viên trong Công ty giữ gìn vệ sinh môi trường, kiểm tra giám sát các nguy cơ gây sự cố môi trường. Lập kế hoạch tư vấn giám sát môi trường trong khu vực sản xuất cũng như các khu vực xung quanh theo định kỳ và chịu trách nhiệm về các vấn đề môi trường liên quan khác.

### Hoạt động đào tạo Hàng năm, căn cứ vào



kế hoạch và yêu cầu thực tế của các đơn vị,  
Công ty tổ chức đào tạo bồi dưỡng và nâng  
cao chuyên môn cho người lao động

- Hoạt động đào tạo nội bộ: do Cán bộ quản  
lý của Công ty trực tiếp

giảng dạy. Đối tượng là CBCNV, người lao  
động làm việc tại các phòng, ban, phân  
xưởng liên quan trực tiếp đến sản xuất (đào  
tạo về GMP, ATVSLĐ, PCCC...)

- Công ty cử cán bộ tại các phòng/ban liên  
quan tham dự các lớp đào tạo nghiệp vụ  
chuyên môn sâu do các cơ quan, đơn vị cấp  
trên tổ chức trong nhiều lĩnh vực: kiểm  
nghiệm, đảm bảo chất lượng, công tác  
nghiên cứu, công tác kế toán, công tác tiền  
lương, nghiệp vụ bảo hiểm, an toàn lao  
động...

- Công ty mời các đơn vị về đào tạo cho cán  
bộ: các lớp đào tạo kỹ năng bán hàng, đào  
tạo chuyên sâu về an toàn vệ sinh lao động.



## TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Song song với việc sản xuất kinh doanh của Công ty, được sự quan tâm của Đảng ủy, Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty, trong những năm qua, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội để chung tay đẩy mạnh phát triển xã hội:

- Đóng góp từ thiện nhân đạo cho các tổ chức, đoàn thể xã hội.
- Ứng hộ người nghèo, các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.
- Phối hợp cùng các đơn vị trong ngành Y tế Hải Dương tổ chức khám bệnh và cấp phát thuốc miễn phí cho gia đình có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách,...
- Trích nộp các quỹ: Vì người nghèo, Quỹ chất độc da cam,... đầy đủ.





# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Đã được kiểm toán**

## CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG

Địa chỉ: số 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

---

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	02-03
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	04-05
<b>Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	10-35

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

**CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được chuyển đổi từ Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương theo Quyết định số 5943/QĐ/UB ngày 17/12/2002 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000046 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 04 tháng 04 năm 2003, thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 06 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0800011018.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT****Hội đồng quản trị**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Ông: Nguyễn Trung Việt	Chủ tịch HĐQT
Ông: Nguyễn Xuân Trang	Ủy viên HĐQT
Bà: Nguyễn Thị Tú Anh	Ủy viên HĐQT

**Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Bà: Nguyễn Thị Tú Anh	Tổng Giám đốc
Ông: Nguyễn Hoàng Nam	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 17/05/2018)
Ông: Vũ Văn Xuyên	Phó Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/08/2018)

**Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có:

Họ và tên	Chức vụ
Bà: Phạm Thị Thúy	Trưởng ban
Bà: Hoàng Thị Quế Quỳnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 24/04/2018)
Ông: Trần Kim Cương	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Hương Lan	Thành viên (bỏ nhiệm ngày 24/04/2018)

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - đơn vị đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận là công ty kiểm toán độc lập đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức niêm yết, tổ chức phát hành và kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính tổng hợp, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC, ngày 16/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

*Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2019*



**Nguyễn Thị Tú Anh**



Số: BCKT/TC/NV7

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam  
Địa chỉ: Tầng 14 Tòa nhà Sudeco, đường Mỹ Đình,  
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam  
Tel: (+84 24) 3860 9506 / (+84 24) 3860 9508  
Fax: (+84 24) 3860 6248  
Web: kiemtoanava.com.vn

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được lập ngày 20/02/2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày từ trang 06 đến trang 35 kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**TRẦN TRÍ DŨNG**

**Phó Tổng Giám đốc**

*Giấy CNĐKHNKT số: 0895-2018-126-1*

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2019

**LÊ THỦY DƯƠNG**

**Kiểm toán viên**

*Giấy CNĐKHNKT số: 2879 -2014-126-1*



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2018	01/01/2018
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>437.256.018.009</b>	<b>437.242.897.192</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>11.027.650.875</b>	<b>18.912.540.847</b>
1. Tiền	111		11.027.650.875	18.912.540.847
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>332.251.568.295</b>	<b>322.696.912.490</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	213.266.284.429	219.780.383.989
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	119.524.035.776	105.538.671.644
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	733.697.543	590.535.487
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(1.272.449.453)	(3.212.678.630)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>88.044.816.261</b>	<b>91.573.234.704</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.06	88.044.816.261	91.573.234.704
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.931.982.578</b>	<b>4.060.209.151</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	137.123.052	373.228.973
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.622.862.237	3.686.980.178
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	171.997.289	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>209.544.233.783</b>	<b>113.393.008.945</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>153.475.959.821</b>	<b>79.718.093.936</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	143.720.609.465	69.962.743.580
- Nguyên giá	222		249.842.647.717	161.867.002.261
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(106.122.038.252)	(91.904.258.681)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	9.755.350.356	9.755.350.356
- Nguyên giá	228		12.155.287.846	12.155.287.846
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(2.399.937.490)	(2.399.937.490)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>52.634.087.063</b>	<b>33.616.905.342</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	52.634.087.063	33.616.905.342
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.11	<b>20.000.000</b>	<b>23.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		20.000.000	23.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.414.186.899</b>	<b>35.009.667</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	3.414.186.899	35.009.667
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>646.800.251.792</b>	<b>550.635.906.137</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2018	01/01/2018
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>365.070.717.496</b>	<b>297.462.493.123</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>236.493.340.448</b>	<b>215.789.583.009</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	160.011.955.798	161.734.070.761
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.681.136.814	2.908.188.651
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.290.715.651	7.426.092.928
4. Phải trả người lao động	314		5.748.328.804	10.331.002.922
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	328.057.416	580.000.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	252.954.544	204.345.450
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.024.341.562	955.914.340
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	55.584.440.722	17.286.581.919
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	-	5.212.700.000
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		8.571.409.137	9.150.486.038
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>128.577.377.048</b>	<b>81.672.910.114</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19	106.771.266.724	79.249.892.655
2. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.21	19.814.000.000	-
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.992.110.324	2.423.017.459
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>281.729.534.296</b>	<b>253.173.413.014</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.22	<b>281.729.534.296</b>	<b>253.173.413.014</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.000.000.000	60.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		28.720.000.000	28.720.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		134.594.214.888	74.594.214.888
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58.415.319.408	89.859.198.126
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		25.411.502.526	41.030.310.125
- Lợi nhuận sau thuế chưa PP kỳ này	421b		33.003.816.882	48.828.888.001
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>646.800.251.792</b>	<b>550.635.906.137</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

  
Chu Văn Long

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2019



Nguyễn Thị Tú Anh

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	744.064.364.643	862.174.616.932
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.993.303.186	3.491.975.736
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	741.071.061.457	858.682.641.196
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	588.929.442.116	678.846.040.186
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		152.141.619.341	179.836.601.010
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	422.087.337	155.009.083
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	3.365.919.421	1.809.073.183
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.630.861.691	1.324.600.409
8. Chi phí bán hàng	24	VI.7	45.856.218.998	43.596.738.359
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	62.486.786.511	73.522.179.833
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		40.854.781.748	61.063.618.718
11. Thu nhập khác	31	VI.8	735.189.105	723.756.706
12. Chi phí khác	32	VI.9	5.764.000	32.378.944
13. Lợi nhuận khác	40		729.425.105	691.377.762
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		41.584.206.853	61.754.996.480
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	8.298.737.571	12.517.301.379
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		33.285.469.282	49.237.695.101
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	5.548	8.206
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	5.548	8.206

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Chu Văn Long



Nguyễn Thị Tú Anh

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2019

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Theo phương pháp gián tiếp

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	41.584.206.853	61.754.996.480
2. Điều chỉnh cho các khoản		9.529.222.923	11.532.749.176
- Khấu hao tài sản cố định	02	14.473.377.746	10.752.637.424
- Các khoản dự phòng	03	(7.152.929.177)	(389.479.574)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(422.087.337)	(155.009.083)
- Chi phí lãi vay	06	2.630.861.691	1.324.600.409
3. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		51.113.429.776	73.287.745.656
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(9.722.305.976)	(88.040.647.503)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	3.528.418.443	(8.050.728.706)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(8.557.150.606)	23.545.445.634
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(3.143.071.311)	125.565.431
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.630.861.691)	(1.324.600.409)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.424.229.628)	(11.268.010.312)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(1.659.013.836)	(1.239.106.441)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.505.215.171	(12.964.336.650)
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(107.248.425.352)	(55.276.885.144)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	422.087.337	155.009.083
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(106.823.338.015)	(55.121.876.061)
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	170.844.498.474	122.657.059.365
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(85.211.265.602)	(49.380.133.633)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.200.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	81.433.232.872	73.276.925.732
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7.884.889.972)	5.190.713.021
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	18.912.540.847	13.721.827.826
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.027.650.875	18.912.540.847

Hải Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chu Văn Long

Giám đốc



Nguyễn Thị Tú Anh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP****Năm 2018****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược Vật tư y tế Hải Dương được chuyển đổi từ Công ty Dược Vật tư y tế Hải Dương theo Quyết định số 5943/QĐ/UB ngày 17/12/2002 của UBND tỉnh Hải Dương về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0403000046 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 04 tháng 04 năm 2003, thay đổi lần thứ 14 ngày 14 tháng 06 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0800011018.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng chẵn).

Trụ sở chính của Công ty tại số 102, phố Chi Lăng, Phường Nguyễn Trãi, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại, kinh doanh thuốc, hóa dược và dược liệu.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc chữa bệnh, dược liệu, hóa chất và tinh dầu;
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất vật tư y tế;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;
- Bán buôn thực phẩm khác. Chi tiết: Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp). Chi tiết: Bán buôn hóa chất dùng cho sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, phục vụ công tác kiểm nghiệm, dùng cho bệnh viện;
- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế, vật tư y tế;

- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Bán buôn tinh dầu, dược liệu, kính mắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ tinh dầu, dược liệu, máy móc - thiết bị y tế, hóa chất dùng cho sản xuất thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, phục vụ công tác kiểm nghiệm, hóa chất dùng cho bệnh viện;
- Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Trồng cây dược liệu; Chăn nuôi khác. Chăn nuôi tắc kè, rắn (được Nhà nước cho phép);
- In ấn;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn khoa học kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực y, dược, mỹ phẩm và thực phẩm; dịch vụ kiểm tra chất lượng dược phẩm, thực phẩm chức năng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý. Chi tiết: Đại lý mua bán thuốc chữa bệnh, hóa mỹ phẩm, thực phẩm chức năng, dụng cụ y tế, thiết bị y tế, kính mắt, dược liệu, tinh dầu, hóa chất;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê nhà làm văn phòng, địa điểm kinh doanh, cửa hàng, nhà kho, nhà ở, bến bãi;
- Khách sạn; Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp;
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; Sản xuất rượu vang; Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây dựng nhà máy sản xuất thuốc;
- Bán buôn đồ uống. Chi tiết: Bán buôn bia, rượu, nước giải khát;
- Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Giáo dục mầm non;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh bình quân của ngành, lĩnh vực: 12 tháng.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp**

Trong kỳ kế toán, hoạt động của Công ty không có đặc điểm đáng kể nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính. Hoạt động của Công ty diễn ra bình thường ở tất cả các kỳ trong năm.

**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, phần lớn khối văn phòng và khối sản xuất của Công ty được đặt tại địa chỉ 102 phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Ngoài ra, Công ty có 13 chi nhánh trực thuộc trong và ngoài tỉnh:

- |                                    |  |
|------------------------------------|--|
| 1. Chi nhánh Dược liệu             | 8. Chi nhánh Cẩm Giàng                               |
| 2. Chi nhánh Hà Nội                | 9. Chi nhánh Tứ Kỳ                                   |
| 3. Chi nhánh Thanh Miện            | 10. Chi nhánh Gia Lộc (Giải thể ngày 01/08/2018)     |
| 4. Chi nhánh Kim Thành             | 11. Chi nhánh Nam Sách                               |
| 5. Chi nhánh Bình Giang            | 12. Chi nhánh Ninh Giang (Giải thể ngày 01/08/2018)  |
| 6. Chi nhánh Kinh Môn              | 13. Chi nhánh Chí Linh                               |
| 7. Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh | 14. Chi nhánh Miền Trung (thành lập ngày 11/09/2018) |

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm dương lịch.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư số 53/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

## 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra Đồng Việt Nam căn cứ vào:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

### 2. Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) được xác định như sau:

- Là lãi suất ngân hàng thương mại cho vay đang áp dụng phổ biến trên thị trường tại thời điểm giao dịch;
- Trường hợp không xác định được lãi suất ngân hàng thương mại cho vay nêu trên thì lãi suất thực tế là lãi suất Công ty có thể đi vay dưới hình thức phát hành công cụ nợ không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu (như phát hành trái phiếu thường không có quyền chuyển đổi hoặc vay bằng khế ước thông thường) trong điều kiện sản xuất, kinh doanh đang diễn ra bình thường.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản tiền do doanh nghiệp khác và cá nhân ký cược, ký quỹ tại Công ty được quản lý và hạch toán như tiền của Công ty.

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo nguyên tắc: Bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế; Bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, số dư ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế, là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

### 4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

#### a. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.



Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

#### **b. Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tùy theo từng hợp đồng, các khoản cho vay theo kế ước có thể được thu hồi một lần tại thời điểm đáo hạn hoặc thu hồi dần từng kỳ.

Đối với các khoản cho vay, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản cho vay có thể không thu hồi được, kế toán tiến hành ghi nhận số tổn thất vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy, kế toán tiến hành thuyết minh trên Báo cáo tài chính về khả năng thu hồi của khoản cho vay.

#### **c. Đầu tư vào Công ty con; Công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm. Mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

#### **d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng. Hoặc mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế khi không xác định được giá trị thị trường.

### **5. Nguyên tắc kế toán phải thu**

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

b. Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:

- Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; Các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
- Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Các chỉ tiêu phải thu của Bảng cân đối kế toán có thể bao gồm cả các khoản được phản ánh ở các tài khoản khác ngoài các tài khoản phải thu, như: Khoản cho vay được phản ánh ở TK 1283; Khoản ký quỹ, ký cược phản ánh ở TK 244, khoản tạm ứng ở TK 141...

Các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải thu).

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định vào tuổi nợ của các khoản nợ quá hạn và dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Việc xác định các khoản cần lập dự phòng phải thu khó đòi được căn cứ vào các khoản mục được phân loại là phải thu ngắn hạn, dài hạn của Bảng cân đối kế toán. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

### **a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho của Công ty là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường. Đối với sản phẩm dở dang, nếu thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường thì không trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà trình bày là tài sản dài hạn.

Các loại sản phẩm, hàng hóa, vật tư, tài sản nhận giữ hộ, nhận ký gửi, nhận ủy thác xuất nhập khẩu, nhận gia công... không thuộc quyền sở hữu và kiểm soát của Công ty thì không phản ánh là hàng tồn kho.

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua,

chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

#### **b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng giai đoạn sản xuất trong dây chuyền.

#### **c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### **7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ của Công ty được ước tính phù hợp và thực hiện theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

### **8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

a. Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);

b. Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:

- Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
- Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
- Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do Công ty tự lựa chọn khi giao dịch với đối tượng phải trả).

**10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản vay có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay phải trả), như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn... được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

**11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng TSCĐ, BĐSĐT, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng;

## **12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

Các khoản chi phí phải trả phải sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế sẽ được hoàn nhập.

## **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

### **a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

### **b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

## **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### **a. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

**b. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**c. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**d. Thu nhập khác**

Phân ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm);
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù đi dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự);
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

**15. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

#### 16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

Các khoản chi phí giá vốn hàng bán không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### 17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản chi phí tài chính không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### 18. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí bán hàng bao gồm: Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản chi phí ghi nhận là chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán Công ty không ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

#### **19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Hiện tại, Công ty đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20%.

#### **20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

##### **a. Công cụ tài chính**

###### *Ghi nhận ban đầu*

###### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

###### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

###### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **b. Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị tính: đồng			
<b>1 . Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>		
Tiền mặt tại quỹ	1.545.510.319	1.881.123.130		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.482.140.556	17.031.417.717		
<b>Cộng</b>	<b>11.027.650.875</b>	<b>18.912.540.847</b>		
<b>2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>		
a) Phải thu khách hàng	213.266.284.429	219.780.383.989		
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Hải Dương	14.558.814.395	24.537.188.637		
- Bệnh viện Tâm thần Hải Dương	2.197.215.614	972.691.046		
- Bệnh viện Nhi Hải Dương	2.740.321.855	2.695.864.930		
- Bệnh viện Mắt và Da liễu Hải Dương	1.735.563.414	3.650.432.530		
- Công ty Cổ phần Dược Phẩm Vipharco	23.365.464	3.248.970.447		
- Bệnh viện quân y 7 - Cục hậu cần - Quân khu 3	6.257.161.695	8.880.993.645		
- Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Gia Hiền	1.542.590.122	8.332.676.957		
- Các khách hàng khác	184.211.251.870	167.461.565.797		
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-		
<b>Cộng</b>	<b>213.266.284.429</b>	<b>219.780.383.989</b>		
<b>3 . Trả trước người bán ngắn hạn</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>		
a) Trả trước cho người bán	119.524.035.776	105.538.671.644		
- Công ty TNHH KT cơ điện lạnh Quý Long	52.252.410.000	52.252.410.000		
- Công Ty TNHH SKY SOFTGEL	8.313.145.500	8.313.145.500		
- Công Ty TNHH thiết bị khoa học Hoàng Gia	8.014.045.832	8.014.045.832		
- Công ty TNHH chế tạo máy Dược phẩm Tiến Tuấn	9.263.976.527	9.263.976.527		
- Công ty CP Thương mại và thiết bị Thành Công	1.557.750.000	1.557.750.000		
- Công ty Cổ phần thiết bị MPM	2.951.864.350	2.951.864.350		
- Trả trước cho người bán khác	37.170.843.567	23.185.479.433		
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan	-	-		
<b>Cộng</b>	<b>119.524.035.776</b>	<b>105.538.671.644</b>		
<b>4 . Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác, trong đó:	499.299.918	-	398.567.284	-
- Phải thu thuế TNCN của CBVN	401.028.262	-	284.859.789	-
- Phải thu ngắn hạn khác	98.271.656	-	113.707.495	-
Tạm ứng	130.984.874	-	147.944.788	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	103.412.751	-	44.023.415	-
<b>Cộng</b>	<b>733.697.543</b>	<b>-</b>	<b>590.535.487</b>	<b>-</b>

5 . Nợ xấu	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng	Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	1.272.449.453	(1.272.449.453)	3.212.678.630	(3.212.678.630)
<b>Cộng</b>	<b>1.272.449.453</b>	<b>(1.272.449.453)</b>	<b>3.212.678.630</b>	<b>(3.212.678.630)</b>
6 . Hàng tồn kho	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	23.447.198.547	-	36.855.948.079	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.681.417.809	-	-	-
Thành phẩm	38.336.615.095	-	43.766.566.874	-
Hàng hóa	17.579.584.810	-	10.950.719.751	-
<b>Cộng</b>	<b>88.044.816.261</b>	<b>-</b>	<b>91.573.234.704</b>	<b>-</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2018: 0 đồng.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp bảo đảm các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm 31/12/2018: 0 đồng;

7 . Chi phí trả trước ngắn hạn	31/12/2018	01/01/2018
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	137.123.052	373.228.973
<b>Cộng</b>	<b>137.123.052</b>	<b>373.228.973</b>

#### 8 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>					
Số dư đầu năm	49.416.309.848	96.093.307.958	12.597.526.945	3.759.857.510	161.867.002.261
Số tăng trong năm	6.326.116.881	76.477.234.541	5.394.401.819	33.490.390	88.231.243.631
- Mua trong năm	-	76.477.234.541	5.394.401.819	33.490.390	81.905.126.750
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	6.326.116.881	-	-	-	6.326.116.881
Số giảm trong năm	-	255.598.175	-	-	255.598.175
- Thanh lý, nhượng bán	-	255.598.175	-	-	255.598.175
Số dư cuối năm	55.742.426.729	172.314.944.324	17.991.928.764	3.793.347.900	249.842.647.717
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	30.020.573.417	50.686.436.428	7.879.255.070	3.317.993.766	91.904.258.681
Số tăng trong năm	2.693.188.460	9.385.383.076	1.921.697.774	473.108.436	14.473.377.746
- Khấu hao trong năm	2.693.188.460	9.385.383.076	1.921.697.774	473.108.436	14.473.377.746
Số giảm trong năm	-	255.598.175	-	-	255.598.175
- Thanh lý, nhượng bán	-	255.598.175	-	-	255.598.175
Số dư cuối năm	32.713.761.877	59.816.221.329	9.800.952.844	3.791.102.202	106.122.038.252
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	19.395.736.431	45.406.871.530	4.718.271.875	441.863.744	69.962.743.580
Tại ngày cuối năm	23.028.664.852	112.498.722.995	8.190.975.920	2.245.698	143.720.609.465

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2018 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng:	61.126.497.279
Nguyên giá TSCĐ hữu hình hình thành từ quỹ phát triển khoa học công nghệ:	2.498.297.526

9 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, nhãn hiệu hàng hóa	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	12.155.287.846	-	12.155.287.846
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	12.155.287.846	-	12.155.287.846
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.399.937.490	-	2.399.937.490
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	2.399.937.490	-	2.399.937.490
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	9.755.350.356	-	9.755.350.356
Tại ngày cuối năm	9.755.350.356	-	9.755.350.356

10 . Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	52.634.087.063	33.616.905.342
- Xây dựng nhà kho 600m <sup>2</sup> tại An Thái - P Bình Hàn - TPHD	-	865.406.363
- Đầu tư triển khai phần mềm quản trị ERP	2.230.000.000	1.561.000.000
- Chi phí khảo sát thiết kế nhà VP CN tại Hà Nội	63.181.818	63.181.818
- Dự án dây chuyền viên, cốm, sủi tại Cẩm Thượng	41.693.169.958	26.449.002.161
- Chi phí TV tiêu chuẩn EU GMP của DA nhà máy Cẩm Thượng	8.571.329.033	4.678.315.000
- Chi phí xây dựng lò hơi tại 102 Chi Lăng	76.406.252	-
<b>Cộng</b>	<b>52.634.087.063</b>	<b>33.616.905.342</b>

11 . Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	20.000.000	-	20.000.000	23.000.000	-	23.000.000
+ Công ty CP Y dược phẩm Việt Nam (CPV)	20.000.000	-	20.000.000	20.000.000	-	20.000.000
+ Công ty CP ĐT tài chính DN nhỏ và vừa Việt Nam	-	-	-	3.000.000	-	3.000.000

12 . Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2018	01/01/2018
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.414.186.899	35.009.667
<b>Cộng</b>	<b>3.414.186.899</b>	<b>35.009.667</b>

13 . Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Đầu Tư và Phát Triển Y Tế	3.899.424.968	3.899.424.968	3.334.834.388	3.334.834.388
- Công ty CP FRESENIUS KABI VIỆT NAM	7.052.242.598	7.052.242.598	4.521.263.418	4.521.263.418
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Thuận An Phát	2.298.190.867	2.298.190.867	7.144.755.135	7.144.755.135
- Công ty CP TM Dược phẩm Hồng Đức	481.254.852	481.254.852	1.538.678.327	1.538.678.327
- Công ty TNHH Dược phẩm CAMLY	10.016.323.101	10.016.323.101	4.064.114.461	4.064.114.461
- Công ty TNHH TM và Dịch vụ Phúc Xuân	933.039.763	933.039.763	4.445.601.549	4.445.601.549
- Công ty TNHH Dược phẩm Tri Việt	992.172.245	992.172.245	6.754.691.635	6.754.691.635
- Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Hải	1.656.080.999	1.656.080.999	6.692.633.338	6.692.633.338
- Công ty TNHH Golden Health USA	1.870.812.487	1.870.812.487	5.963.922.936	5.963.922.936
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	130.812.413.918	130.812.413.918	117.273.575.574	117.273.575.574
<b>Cộng</b>	<b>160.011.955.798</b>	<b>160.011.955.798</b>	<b>161.734.070.761</b>	<b>161.734.070.761</b>

14 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.681.136.814	2.908.188.651
- Công ty CP Thương Mại Dược Phẩm Daiso Pháp	-	475.281.986
- Công ty CP Dược Phẩm Hoàng Giang	162.187.648	217.909.171
- Trung tâm y tế huyện Bình Xuyên	111.007.011	131.362.001
- Công ty TNHH TM Golden Five Stars	-	129.944.925
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.407.942.155	1.953.690.568
<b>Cộng</b>	<b>1.681.136.814</b>	<b>2.908.188.651</b>

15 . Thuế và các khoản phải nộp, phải thu nhà nước

	01/01/2018		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	-	53.697.930.478	53.696.510.726	-	1.419.752
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	739.641.441	911.638.730	171.997.289	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	-	6.128.173.510	8.298.737.571	11.543.911.428	-	2.882.999.653
Thuế thu nhập cá nhân	-	291.180.418	977.595.515	862.479.687	-	406.296.246
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	-	1.006.739.000	1.534.653.373	2.541.392.373	-	-
Các loại thuế khác	-	-	222.774.140	222.774.140	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>7.426.092.928</b>	<b>65.471.332.518</b>	<b>69.778.707.084</b>	<b>171.997.289</b>	<b>3.290.715.651</b>

(\*) Trong đó, thuế TNDN đã thực nộp trong năm:

- Thuế TNDN đã nộp vào NSNN:	11.424.229.628
- Thuế TNDN được miễn giảm (phần chi cho lao động nữ):	119.681.800
<b>Cộng</b>	<b>11.543.911.428</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
Tiền lương hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký	231.669.842	500.000.000
Trích trước chi phí kiểm toán	84.545.454	80.000.000
Chi phí phải trả khác	11.842.120	-
<b>Cộng</b>	<b>328.057.416</b>	<b>580.000.000</b>

<b>17 . Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</b>				
Cho thuê văn phòng				
<b>Cộng</b>				
	31/12/2018			01/01/2018
	252.954.544			204.545.450
	<b>252.954.544</b>			<b>204.545.450</b>
<b>18 . Phải trả ngắn hạn khác</b>				
- Các khoản phải trả, phải nộp khác:				
+ Phải trả phải nộp khác				
- Phải thu khác dư Có				
<b>Cộng</b>				
	31/12/2018			01/01/2018
	1.024.341.562			955.914.340
	1.024.341.562			955.914.340
	<b>1.024.341.562</b>			<b>955.914.340</b>
<b>19 . Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>Tăng trong năm</b>	<b>Giảm trong năm</b>	<b>01/01/2018</b>
<b>19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>55.584.440.722</b>	<b>106.710.894.033</b>	<b>68.413.035.230</b>	<b>17.286.581.919</b>
a, Vay ngắn hạn	55.584.440.722	106.710.894.033	68.413.035.230	17.286.581.919
NH TMCP Quân đội - CN Hải Dương (1)	8.694.882.618	8.694.882.618	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Hải Dương (2)	21.564.933.434	32.431.253.726	22.434.576.591	11.568.256.299
NH TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương (3)	10.489.029.176	21.523.386.457	11.034.357.281	-
BIDV Chi nhánh Trần Hưng Đạo (4)	13.714.095.494	44.061.371.232	30.347.275.738	-
Vay cán bộ nhân viên	1.121.500.000	-	4.596.825.620	5.718.325.620
<b>19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>106.771.266.724</b>	<b>44.319.604.441</b>	<b>16.798.230.372</b>	<b>79.249.892.655</b>
a, Vay dài hạn	106.771.266.724	44.319.604.441	16.798.230.372	79.249.892.655
NH TMCP Ngoại thương - CN Hải Dương (5)	103.816.094.302	41.364.432.019	16.798.230.372	79.249.892.655
Vay cán bộ nhân viên	2.955.172.422	2.955.172.422	-	-
b, Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-
<b>19.3 Số có khả năng trả nợ</b>	<b>159.400.535.024</b>			<b>96.536.474.574</b>
a, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	55.584.440.722	-	-	17.286.581.919
b, Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	103.816.094.302	-	-	79.249.892.655

**Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính:**

(1) Hợp đồng cấp tín dụng số 43996.18.270.1150261.TD ngày 12/12/2018. Giá trị hạn mức tín dụng : 60.000.000.000 đồng, thời hạn cấp tín dụng: 05/12/2019. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thiết bị y tế.

(2) Hợp đồng tín dụng số 30.06/CNHD9/2017/HDCVHM/DUOC ngày 30/6/2017. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Hạn mức cho vay: 50.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay quy định cụ thể trên giấy nhận nợ theo từng lần giải ngân. Thời hạn cho vay: Không quá 6 tháng kể từ lần giải ngân

(3) Hợp đồng tín dụng số 576/HDDTD2.024.17 ngày 30/11/2017. Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng. Mục đích: Đáp ứng nhu cầu về vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dược phẩm, vật tư thiết bị y tế. Thời hạn: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ.

(4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2018/222776/HĐTD ngày 30/3/2018. Hạn mức cấp tín dụng: 50.000.000.000 đồng. Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh mở LC, trong đó hạn mức cho vay tối đa 40 tỷ hạn mức bảo lãnh 10 tỷ, thời hạn cấp hạn mức: 30/3/2019. Biện pháp đảm bảo: Hợp đồng thế chấp số 20/2005/HĐ, Hợp đồng 32/2005.

(5) Hợp đồng cho vay số 170114/NHMTHD ngày 24/11/2017 để đầu tư Dự án nhà máy HDPHARMA EU sản xuất thuốc Đông Dược, Nang mềm Đạt tiêu chuẩn GMP-WHO và thuốc viên cốm sủi không chứa kháng sinh beta lactam đạt tiêu chuẩn GMP-EU. Số tiền cho vay tối đa: 210 tỷ đồng nhưng tối đa không vượt mức 70% tổng mức đầu tư của dự án. Thời hạn cho vay: 96 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Lãi suất cho vay cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là: lãi suất cố định bằng lãi suất cơ sở cộng mức biên là 2%/năm. Đối với các khoản đã giải ngân kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2017 là 7%.

20 . Dự phòng phải trả ngắn hạn	31/12/2018	01/01/2018
Dự phòng bảo hành hàng hóa	-	5.212.700.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>5.212.700.000</b>

21 . Trái phiếu chuyển đổi	31/12/2018	01/01/2018
Giá trị trái phiếu chuyển đổi	20.000.000.000	-
Cơ cấu vốn chủ sở hữu	-	-
Cơ cấu nợ gốc ghi nhận ban đầu (1)	20.000.000.000	-
Chi phí phát hành trái phiếu chờ phân bổ (2)	186.000.000	-
Cơ cấu nợ gốc tại ngày cuối năm = (1)-(2)	<b>19.814.000.000</b>	-

Ngày 11/04/2018, Công ty hoàn tất việc phát hành riêng lẻ 20 tỷ đồng trái phiếu chuyển đổi có kỳ hạn 3 năm và lãi suất phát hành 0% theo Nghị quyết bất thường số 07/NQ-ĐHĐCD ngày 04/07/2017 của Đại hội đồng cổ đông. Mệnh giá của trái phiếu: 100.000 đồng; số lượng trái phiếu chào bán thành công: 200.000 đồng, trong đó: số trái phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu là 50.000 trái phiếu, số trái phiếu chào bán cho Công ty TNHH Biopharma Việt Nam là 150.000 trái phiếu. Ngày phát hành: 11/04/2018 trái phiếu chuyển đổi sẽ tự động chuyển đổi thành cổ phiếu sau 3 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán. Đến thời điểm chuyển đổi, gốc của trái phiếu sẽ chuyển thành cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi có thể được chuyển đổi trước thời hạn nếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua nhưng phải đảm bảo hạn chế chuyển nhượng trái phiếu chuyển đổi tối thiểu 1 năm kể từ ngày phát hành.

## 22 . Vốn chủ sở hữu

### 22.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Chi tiết tại phụ lục số 01)

#### 22.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018	01/01/2018
Vốn góp của Nhà nước	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	60.000.000.000	60.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>22.3. Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận</b>		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	60.000.000.000	60.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	60.000.000.000	60.000.000.000
<b>22.4. Cổ phiếu</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	6.000.000	6.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
<b>22.5. Các quỹ của doanh nghiệp:</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>01/01/2018</b>
- Quỹ đầu tư phát triển	134.594.214.888	74.594.214.888

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

	Đơn vị tính: Đồng	
	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	741.333.360.339	859.769.667.351
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.729.645.447	2.381.636.364
- Doanh thu khác	1.358.857	23.313.217
<b>Cộng</b>	<b>744.064.364.643</b>	<b>862.174.616.932</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Chiết khấu thương mại	200.872.809	1.337.832.839
Giảm giá hàng bán	41.252.016	535.920.349
Hàng bán bị trả lại	2.751.178.361	1.618.222.548
<b>Cộng</b>	<b>2.993.303.186</b>	<b>3.491.975.736</b>

	Năm nay	Năm trước
<b>3 . Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
- Doanh thu thuần bán thành phẩm, hàng hóa	738.340.057.153	856.277.691.615
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.729.645.447	2.381.636.364
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.358.857	23.313.217
<b>Cộng</b>	<b>741.071.061.457</b>	<b>858.682.641.196</b>
<b>4 . Giá vốn hàng bán</b>		
- Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	588.929.442.116	678.846.040.186
<b>Cộng</b>	<b>588.929.442.116</b>	<b>678.846.040.186</b>
<b>5 . Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	114.587.337	147.509.083
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	307.500.000	7.500.000
<b>Cộng</b>	<b>422.087.337</b>	<b>155.009.083</b>
<b>6 . Chi phí tài chính</b>		
- Lãi tiền vay	2.630.861.691	1.324.600.409
- Chiết khấu thanh toán	735.057.730	484.472.774
<b>Cộng</b>	<b>3.365.919.421</b>	<b>1.809.073.183</b>
<b>7 . Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<i>62.486.786.511</i>	<i>73.522.179.833</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	26.563.952.675	25.917.853.519
- Chi phí vật liệu quản lý	5.947.860.917	5.108.207.627
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.706.069.185	1.685.007.607
- Chi phí khấu hao TSCĐ	4.002.817.356	3.153.127.477
- Thuế, phí và lệ phí	1.398.866.023	2.534.666.008
- Chi phí dự phòng	1.272.449.453	441.548.426
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.821.212.259	2.376.390.539
- Chi phí bằng tiền khác	14.773.558.643	32.305.378.630
<i>b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>	<i>45.856.218.998</i>	<i>43.596.738.359</i>
- Chi phí nhân viên bán hàng	31.311.218.623	29.180.840.146
- Chi phí vật liệu bao bì	810.149.321	4.154.196.789
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	49.045.580	132.137.893
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.736.129.742	1.086.751.243
- Chi phí bảo hành	-	831.028.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.046.739.083	4.852.977.116
- Chi phí bằng tiền khác	7.902.936.649	3.358.807.172



	Năm nay	Năm trước
<b>8 . Thu nhập khác</b>		
- Thu nhập khác	735.189.105	723.756.706
<b>Cộng</b>	<b>735.189.105</b>	<b>723.756.706</b>
<b>9 . Chi phí khác</b>		
- Các khoản vi phạm hành chính	5.764.000	32.378.944
<b>Cộng</b>	<b>5.764.000</b>	<b>32.378.944</b>
<b>10 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
a. Lợi nhuận trước thuế	41.584.206.853	61.754.996.480
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	(90.519.000)	311.744.159
- Các khoản điều chỉnh tăng	216.981.000	319.244.159
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	216.981.000	319.244.159
- Các khoản điều chỉnh giảm	307.500.000	7.500.000
+ Có tác, lợi nhuận được chia	307.500.000	7.500.000
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	41.493.687.853	62.066.740.639
d. Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
e. Điều chỉnh tăng thuế TNDN của các năm trước	-	103.953.250
f. Thuế TNDN = ((c)*(d))+(e)	8.298.737.571	12.517.304.379
<b>11 . Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận sau thuế TNDN	33.285.469.282	49.237.695.101
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>5,548</b>	<b>8,206</b>
<b>12 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	210.405.179.045	264.264.101.702
Chi phí nhân công	18.533.564.845	21.225.087.066
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.421.727.007	6.460.776.161
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.730.515.208	12.659.532.503
Chi phí khác bằng tiền	-	18.903.100
<b>Cộng</b>	<b>255.090.986.105</b>	<b>304.628.400.532</b>

**VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin khác:**

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa ghi nhận.

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

**3. Thông tin về các bên liên quan**

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Thu nhập Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát năm 2018:

TT	Bộ phận	Thu nhập
1	Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	2.430.289.471
2	Ban Kiểm soát	1.073.306.818
<b>Cộng</b>		<b>3.503.596.289</b>

**4. Báo cáo bộ phận**

Công ty không lập báo cáo bộ phận vì không thỏa mãn 1 trong 3 điều kiện phải lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hay khu vực địa lý được quy định tại thông tư 20/2006/TT-BTC ngày 26/3/2006 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn thực hiện (06) chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15/2/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**5. Công cụ tài chính**

	Giá trị số kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền	11.027.650.875	-	18.912.540.847	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	213.999.981.972	(1.272.449.453)	220.370.919.476	(3.212.678.630)
<b>Cộng</b>	<b>225.027.632.847</b>	<b>(1.272.449.453)</b>	<b>239.283.460.323</b>	<b>(3.212.678.630)</b>

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	161.036.297.360	162.689.985.101
Các khoản vay	162.355.707.446	96.536.474.574
<b>Cộng</b>	<b>323.392.004.806</b>	<b>259.806.459.675</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giá định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị ghi sổ do kỳ hạn ngắn hạn của những công cụ này.

- Giá trị hợp lý của các khoản vay có lãi suất cố định hoặc thả nổi không xác định được đo không có đủ thông tin để áp dụng các mô hình định giá phù hợp.

- Ngoài các khoản nêu trên, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

**Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Từ 01 đến 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>			
Các khoản vay	55.584.440.722	106.771.266.724	162.355.707.446
Phải trả người bán	160.011.955.798	-	160.011.955.798
Chi phí phải trả	328.057.416	-	328.057.416
Phải trả khác	1.024.341.562	-	1.024.341.562
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay	17.286.581.919	79.249.892.655	96.536.474.574
Phải trả người bán	161.734.070.761	-	161.734.070.761
Chi phí phải trả	580.000.000	-	580.000.000
Phải trả khác	955.914.340	-	955.914.340

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ (USD).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**6. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả kinh doanh**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
<b>6.1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<i>a. Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	32,40%	20,59%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	67,60%	79,41%
<i>b. Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	56,44%	54,02%
- Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	43,56%	45,98%
<b>6.2. Khả năng thanh toán</b>			
<i>a. Khả năng thanh toán tổng quát</i>	lần	1,77	1,85
<i>b. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn</i>	lần	1,85	2,03
<i>c. Khả năng thanh toán nhanh</i>	lần	1,48	1,60
<b>6.3. Tỷ suất sinh lời</b>			
<i>a. Tỷ suất lợi nhuận/ doanh thu</i>			
- Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	5,59%	7,16%
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	4,47%	5,71%
<i>b. Tỷ suất lợi nhuận/Tổng tài sản</i>			
- Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	6,43%	11,22%
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,15%	8,94%
<i>c. Tỷ suất LNST/Nguồn vốn CSH</i>	%	11,81%	19,45%

**7. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên của Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Hải Dương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

**8. Thông tin về hoạt động liên tục**

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Chu Văn Long



Hải Dương, ngày 22 tháng 02 năm 2019

Nguyễn Thị Tú Anh



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VẬT TƯ Y TẾ HẢI DƯƠNG**

Địa chỉ: số 102, phố Chi Lăng, phường Nguyễn Trãi, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục số 01: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 01/01/2017	60.000.000.000	28.720.000.000	-	74.505.096.388	-	41.239.586.925	204.464.683.313
Tăng vốn trong năm	-	-	-	89.118.500	-	49.237.695.101	49.326.813.601
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	49.237.695.101	49.237.695.101
Tăng vốn	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	89.118.500	-	-	89.118.500
Trích các quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	618.083.900	618.083.900
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	618.083.900	618.083.900
Số dư tại 31/12/2017	60.000.000.000	28.720.000.000	-	74.594.214.888	-	89.859.198.126	253.173.413.014
Số dư tại 01/01/2018	60.000.000.000	28.720.000.000	-	74.594.214.888	-	89.859.198.126	253.173.413.014
Tăng vốn trong năm	-	-	-	60.000.000.000	-	33.285.469.282	93.285.469.282
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	33.285.469.282	33.285.469.282
Tăng khác	-	-	-	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	64.729.348.000	64.729.348.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	4.200.000.000	4.200.000.000
Phân phối quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	60.529.348.000	60.529.348.000
Số dư tại 31/12/2018	60.000.000.000	28.720.000.000	-	134.594.214.888	-	58.415.319.408	281.729.534.296

